

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh: Saigon Ground Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SAGS

- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: 335.816.910.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 335.816.910.000 đồng
- Trụ sở chính: 58 Trường Sơn, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Địa chỉ giao dịch: Lầu 2, Tòa nhà Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 354749999
- Website: www.sags.vn
- Người đại diện theo Pháp luật của công ty gồm:
 - Ông Đặng Tuấn Tú: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Nguyễn Đình Hùng: Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu: SGN
- Giấy CNĐKKD: 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 06/01/2014, cấp thay đổi lần thứ bảy vào ngày 24 tháng 06 năm 2020.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 3005/QĐ-CHK ngày 30/12/2004 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, chuyển đổi từ Trung tâm dịch vụ Hàng không thành Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn, một đơn vị thành viên thuộc Cụm Cảng Hàng không miền Nam. Chức năng chính của Công ty là cung cấp các loại hình dịch vụ phục vụ mặt đất theo tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải Hàng không quốc tế (IATA) và của các hãng Hàng không.



Năm 2008, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ nhất; Cụm Cảng Hàng không miền Nam chuyển đổi từ đơn vị quản lý nhà nước sang mô hình Tổng công ty nhà nước, Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn được thành lập lại theo Quyết định số 002/QĐ-TCTCHKMN ngày 16/5/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Tổng công ty.

Năm 2010, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ hai, Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 55/QĐ-TCTCHKMN ngày 15/09/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

Năm 2012, thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải; Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Tổng công ty Cảng Hàng không miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam được thành lập lại theo Quyết định số 138/QĐ-HĐTV, ngày 24/04/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam; chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và toàn diện của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

Ngày 23/08/2013, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2524/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thực hiện cổ phần hóa, trong đó có Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn, trong Quyết định yêu cầu Hội đồng thành viên ACV thực hiện các thủ tục chuyển đổi Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH MTV đồng thời với việc thực hiện cổ phần hóa theo quy định hiện hành.

Năm 2013, Quyết định số 530/QĐ-HĐTV ngày 30/10/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, quyết định chuyển Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Ngày 06/01/2014, Công ty TNHH một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30/10/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

Ngày 22/12/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4851/QĐ-BGTVT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

Ngày 31/12/2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015 với tên gọi: Công ty Cổ

phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1	Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của Cảng Hàng không, sân bay;
2	Cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị Hàng không và trang thiết bị kỹ thuật khác;
3	Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
4	Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa, dịch vụ thương mại;
5	Dịch vụ đại lý cho các hãng Hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành Hàng không;
6	Cung cấp các dịch vụ phục vụ sân đỗ máy bay tại các cảng Hàng không, sân bay và các dịch vụ Hàng không;

Sản phẩm, dịch vụ chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm 02 mảng chính: Dịch vụ Hàng không và dịch vụ phi Hàng không.

3.1. Dịch vụ Hàng không:

3.1.1. Dịch vụ thủ tục Hàng không: Gồm các loại hình phục vụ hành khách tại nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế tại Cảng Hàng không:

- Dịch vụ thủ tục Hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp.
- Dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay
- Dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành.

3.1.2. Dịch vụ hành lý:

- Dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp.
- Dịch vụ hành lý thất lạc.

3.1.3. Dịch vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay: Gồm dịch vụ tại khu vực sân đỗ máy bay tại Cảng Hàng không:

- Dịch vụ bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa bằng trang thiết bị chuyên dùng.
- Dịch vụ điều phối chuyến bay.

- Dịch vụ cân bằng trọng tải chuyến bay.
- Dịch vụ hướng dẫn chất xếp chuyến bay.
- Dịch vụ chuyên chở hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga.

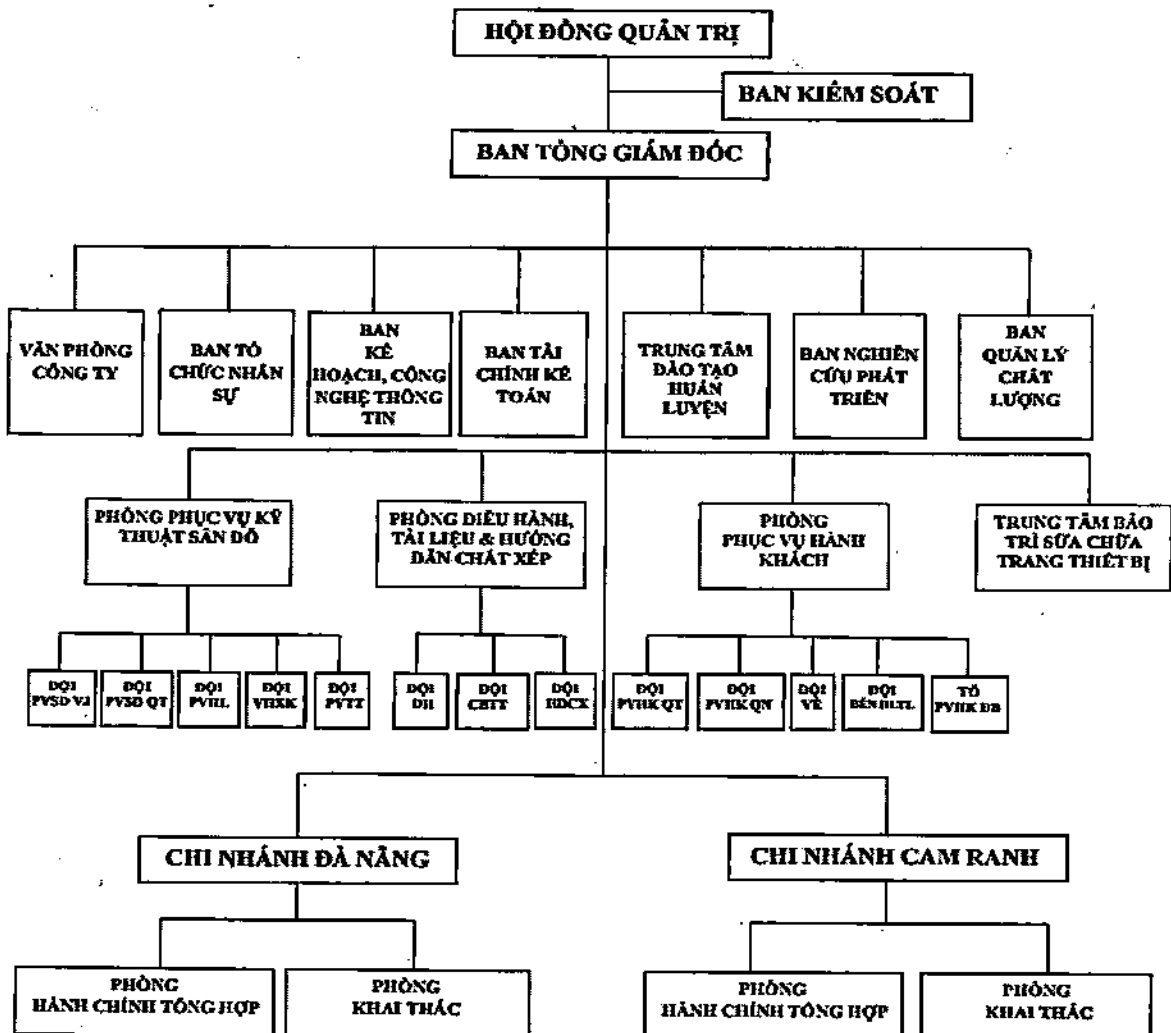
3.2. Dịch vụ phi Hàng không:

- Dịch vụ huấn luyện, đào tạo chuyên ngành.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị chuyên ngành.
- Dịch vụ công nghệ thông tin chuyên ngành.
- Dịch vụ phi Hàng không khác.

Địa bàn kinh doanh: Văn phòng Công ty tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; Chi nhánh tại Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng; Công ty con tại Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ 1: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN



4.1. Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

4.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 5 thành viên:

BẢNG 1: DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Đặng Tuấn Tú	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT
4	Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên HĐQT
5	Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT

4.3. Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn gồm 3 thành viên:

BẢNG 2: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát

4.4. Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 4 thành viên:

BẢNG 3: DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyên.

4.5. Các phòng ban, đơn vị sản xuất:

Các phòng, ban đơn vị sản xuất thực hiện chức năng tham mưu, quản lý và trực tiếp sản xuất theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Các phòng ban, đơn vị sản xuất được chia thành 02 khối: Khối phòng ban chức năng và Khối sản xuất trực tiếp.

4.5.1. Khối phòng ban chức năng gồm:

- Ban tổ chức nhân sự.

- Ban kế hoạch.
- Ban tài chính kế toán.
- Ban quản lý chất lượng.
- Ban nghiên cứu phát triển kinh doanh.
- Trung tâm đào tạo và huấn luyện.

4.5.2. Khối sản xuất gồm:

- Phòng điều hành, tài liệu và hướng dẫn chất xếp
- Phòng phục vụ hành khách.
- Phòng phục vụ kỹ thuật sân đỗ.
- Trung tâm sửa chữa, sản xuất, bảo trì trang thiết bị

4.6. Chi nhánh Công ty:

- **Tên chi nhánh:** Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Đà Nẵng.
- **Địa chỉ:** Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

4.7. Công ty con:

- **Tên Công ty con:** Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh.
- **Địa chỉ:** Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

5. Định hướng phát triển:

Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất chất lượng cao cả về chiều rộng và chiều sâu; phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng khách hàng và yêu cầu phát triển của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyển dụng đúng người đúng việc, huấn luyện, đào tạo chuyên sâu, đầu tư trang thiết bị phục vụ mặt đất hiện đại và không ngừng hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn tích hợp.

Liên kết khai thác và không ngừng trau dồi, học tập kinh nghiệm và hoàn thiện các nguồn lực của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển bền vững; từng bước xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp và nhân văn; tập trung chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học tập, lao động, cống hiến và phát triển.

Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh và đi đầu trong ngành về tiềm năng và uy tín trong kinh doanh; kinh doanh hiệu quả, an toàn; hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung của ngành hàng không, xã hội và đất nước.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn cũng chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế vĩ mô.

Lãi suất:

Năm 2020, Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn không sử dụng nguồn vay từ các ngân hàng, do đó rủi ro lãi suất doanh nghiệp phải đối mặt hiện nay là chưa có. Tuy nhiên, trong tương lai khi yêu cầu về mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh được đặt ra và khi Công ty bắt đầu sử dụng vốn vay thì rủi ro lãi suất cũng là một trong những yếu tố mà doanh nghiệp phải đối mặt.

6.2. Rủi ro luật pháp:

Hoạt động của Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản Pháp luật chuyên ngành. Hiện nay, các luật này cũng như các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

6.3. Rủi ro đặc thù:

6.3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động của công ty liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng không. Do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và ngoại giao của Việt Nam với các nước trên thế giới.

6.3.2. Tình hình cạnh tranh trong ngành

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS), chuyên cung cấp dịch vụ mặt đất sân bay tại 3 sân bay lớn: Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Hà Nội cạnh tranh trực tiếp với Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất và Đà Nẵng.

Đồng thời VIAGS có vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất Hàng không (AGS) tại Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh tại Khánh Hòa.

6.4. Rủi ro khác:

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có thể xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, và đặc biệt là dịch

bệnh, diễn hình là đại dịch Covid 19 trong năm 2020 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động của ngành hàng không và Công ty.

Do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp trên thế giới, các chuyến bay thương mại chở khách quốc tế đến Việt Nam thường lệ tạm thời chưa được phép khai thác. Hoạt động khai thác hàng ngày chỉ gồm các chuyến bay nội địa, các chuyến bay chuyên chở hàng hóa và một số chuyến bay chở công dân hồi hương, chuyên gia nước ngoài công tác tại Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

1.1. Sản lượng:

Tổng số chuyến bay Công ty phục vụ trong năm 2020: 51.737 chuyến. Trong đó quốc nội 40.473 chuyến, sản lượng quốc tế 11.264 chuyến.

1.2. Doanh thu:

Doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 746,8 tỷ đồng vượt 2,3% kế hoạch 2020 và chỉ bằng 47% so với năm 2019 (1.600,1 tỷ đồng).

1.3. Kết quả kinh doanh (Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2020 điều chỉnh	TH 2020 so với KH 2020	
			Tăng/ giảm	% tăng/ giảm
Tổng doanh thu hợp nhất	746,8	730	+16	+2,3%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	88,1	84	+4,1	+4,88%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như đã nêu trên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Hội đồng quản trị giao, 88,1 tỷ đồng vượt 4,88% kế hoạch năm 2020; chỉ bằng 25% so với lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 (346 tỷ đồng).

Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đại dịch COVID-19 xuất hiện ngay những ngày đầu năm 2020 đã trở thành “sát thủ vô hình” đẩy nền kinh tế toàn cầu chao đảo và lâm vào đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ II. COVID đã bùng phát và lan rộng chưa từng có trong lịch sử thế giới. Song song đó, tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết cực

doan, bão lũ diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng xấu trực tiếp và làm đảo lộn cuộc sống của người dân, nhu cầu đi lại và du lịch suy giảm gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động khai thác, kinh doanh của ngành hàng không quốc tế nói chung và ngành hàng không Việt Nam nói riêng, trong đó có SAGS.

Theo Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), năm 2020 được đánh giá là một năm đại khủng hoảng của ngành hàng không thế giới khi lưu lượng hành khách đi lại cả năm ước tính giảm 66% so với trước dịch, kéo ngành hàng không quay trở về kết quả hoạt động của năm 1998 và doanh thu chỉ bằng năm 1993.

- **Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm sâu sát, tạo điều kiện về mọi mặt của Lãnh đạo Cục HKVN, Lãnh đạo Tổng công ty Cảng HKVN và Hội đồng quản trị SAGS trong sản xuất kinh doanh cũng như công tác phòng chống dịch Covid 19.

- Chính phủ và các Bộ ban ngành trung ương rất quan tâm và quyết liệt chỉ đạo công tác phòng chống dịch hiệu quả.

- Các Hãng hàng không trong nước quyết tâm duy trì hoạt động khai thác ổn định các đường bay quốc nội và ngày càng có nhiều tín hiệu khả quan hơn khi có nhiều gói kích cầu được tung ra để kích thích người dân đi du lịch.

- Nhiều hãng hàng không trong nước và quốc tế linh hoạt chuyển hình thức khai thác vận chuyển hàng hóa trên khoang hành khách của máy bay chở khách.

- **Khó khăn:**

Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành hàng không và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty SAGS.

- Từ khi WHO công bố đại dịch đến ngày hôm nay, Việt Nam đã chứng kiến 3 làn sóng lây nhiễm và tái bùng phát vô cùng phức tạp ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty tại cả 03 địa điểm Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Cam Ranh. Lần đầu tiên từ khi đất nước hội nhập quốc tế, 98% chuyến bay chở hành khách quốc tế phải ngưng khai thác đến/đi để phòng chống dịch lây lan vào Việt Nam.

- Tổng tần suất chuyến bay do công ty phục vụ giảm khoảng 70% (từ gần 350 chuyến bay / ngày xuống chỉ còn hơn 100 chuyến bay / ngày).

- Từ cuối tháng 03 cho đến cuối tháng 04/2020 có những thời điểm toàn công ty chỉ phục vụ được 10 chuyến bay đến đi tại Cảng TSN và hoạt động tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng và Cam Ranh gần như đóng cửa hoàn toàn.

- Tần suất khai thác của các hãng hàng không giảm sâu dẫn đến thiếu việc làm cho cán bộ nhân viên công ty. Thời điểm tháng 04/2020 chỉ còn 10%

người lao động được làm việc, thu nhập của cán bộ, nhân viên giảm hơn 40% so với năm 2019.

Các hãng hàng không gặp nhiều khó khăn về dòng tiền, dẫn đến tình hình công nợ có xu hướng gia tăng, kéo dài nhất là các hãng hàng không trong nước.

3. Các thành tích đạt được trong năm:

Theo đánh giá của Cục Hàng không, Công ty có kết quả đáng ghi nhận trong công tác đảm bảo chuyến bay đúng giờ, an ninh, an toàn, hạn chế nạn mất cắp hành lý.

Trong năm 2020, Công ty nhận được 138 thư khen từ các hãng hàng không và hành khách.

4. Tổ chức và nhân sự:

BẢNG 4: DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

4.1. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ 10/1979 đến 12/1989	Nhân viên sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 01/1990 đến 05/1994	Đội phó đội Thương vụ sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 06/1994 đến 12/1999	Đội trưởng đội Phục vụ Hành khách Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.

Từ 01/2000 đến 12/2000	Trưởng Trung tâm Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2001 đến 01/2005	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2005 đến 11/2013	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS).
Từ 11/2013 đến 12/2014	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2015 đến 2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh
Từ 06/2020 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh

– Số cổ phần nắm giữ: 224.652 cổ phần, chiếm 0,67% vốn điều lệ.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 224.652 cổ phần, chiếm 0,67% vốn điều lệ.

– Các cam kết nắm giữ: không có

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

– Mối quan hệ: Con ruột

- Tên cá nhân: Nguyễn Thị Thanh Vy

- Nắm giữ: 7.056 CP, chiếm 0,021% vốn điều lệ.

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4.2. NGUYỄN VĂN MỸ- Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1963
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 10/1993 đến tháng 12/1996	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 01/1997 đến tháng 04/2005	Đội trưởng – Chuyên viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 05/2005 đến tháng 10/2008	Trưởng phòng Phục vụ kỹ thuật sân đỗ, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 62.216 cổ phần, chiếm 0,185 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 62.216 cổ phần, chiếm 0,185 % vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:
 - 4.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 8 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2022.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4.3. HỨA KIẾN TRUNG - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 04/2001 đến tháng 12/2004	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 02/2005 đến tháng 08/2006	Nhân viên Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 đến tháng 10/2008	Phó phòng, Phòng Kế hoạch - Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014	Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu phát triển & Quản lý chất lượng, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 39.449 cổ phần, chiếm 0,12 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 39.449 cổ phần, chiếm 0,12 % vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ:

- 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 10 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2024.

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4.4. LÊ THỊ HOÀNG OANH - Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1976
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ 07/1998 đến 09/2004	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 10/2004 đến 03/2005	Kíp trưởng Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 04/2005 đến tháng 10/2008	Tổ trưởng tổ Đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014	Trưởng Trung tâm đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ tháng 01/2017 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh

- Số cổ phần nắm giữ: 64.344 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 64.344 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ:

- 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 10 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2024.

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

- Mối quan hệ: em ruột

- Tên cá nhân: Lê Minh Hưng
- Số cổ phần nắm giữ: 4.950 CP, chiếm 0,0147% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4.5. PHÙNG DANH NGUYỄN - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/07/1978
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 11/2000 – tháng 07/2005	Chuyên viên kế toán tại Xí nghiệp thương mại mặt đất, Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 08/2005 – tháng 08/2006	Nhân viên phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 – tháng 11/2011	Phó phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 12/2011 – tháng 12/2014	Kế toán trưởng Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2017 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh.
- Số cổ phần nắm giữ: 16.808 cổ phần chiếm 0,05% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 16.808 cổ phần chiếm 0,05% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ: không có
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:
- Mối quan hệ: chị ruột

- Tên cá nhân: Phùng Thị Thanh Huyền, nắm giữ: 2 CP, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN BÌNH QUÂN NĂM 2020 : 1.597 nhân viên.

5. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Đầu tư trang thiết bị:

Năm 2020 dịch bệnh covid-19 xảy ra trên toàn thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến các nền kinh tế trong và ngoài nước, đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động vận chuyển hành khách hàng hóa bằng đường hàng không trên toàn thế giới, do đó Kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm 2020 đã được tính toán, cân nhắc cẩn thận trước khi thực hiện. Công ty chỉ tập trung đầu tư trang thiết bị thật sự cần thiết và cân đối trang thiết bị thuê phù hợp nhu cầu sử dụng. Cụ thể:

• Các dự án chuyển tiếp:

Thực hiện hoàn thiện và nghiệm thu 26 dự án đầu tư trang thiết bị của năm 2019 chuyển tiếp 2020:

Tại Cảng HK QT TÂN SƠN NHẤT: (14 dự án)

+ Dự án đầu tư TTB: 12 dự án

- 1 Xe kéo đẩy dùng cần tải trọng 39 tấn
- 1 Xe nâng hàng 14 tấn
- 1 Xe nâng hàng 7 tấn
- 3 Xe đầu kéo HHHL 2T
- 1 Xe băng chuyền tự hành - gắn con lăn kéo dài
- 2 Xe thang tự hành loại lớn
- 2 Xe cấp điện KTH - 90KVA
- 1 Xe khởi động khí KTH 180 PPM
- 1 Xe cấp khí lạnh KTH - 65ton
- 1 Xe nước sạch tự hành 3000 Lít
- 60 Dolly 10 Feet
- 30 Trolley hành lý

+ Dự án đầu tư CNTT: 02 dự án

- 1 Server backup dữ liệu
- 1 Thiết bị tổng đài Dimetra IP MSO + Trạm thu phát gốc

Tại Cảng HK QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG (12 dự án)

- 1 Xe nâng hàng 14 tấn
- 1 Xe nâng hàng 7 tấn
- 3 Xe đầu kéo HHHL 2T
- 2 Xe băng chuyền KTH (phục vụ A320/B767)
- 2 Xe thang tự hành loại lớn
- 3 Xe thang tự hành loại nhỏ (A320/A321)
- 1 Xe nâng HK tàn tạt
- 1 Xe khởi động khí KTH 400 PPM
- 1 Xe cấp khí lạnh KTH 110Ton
- 2 Cầu dầy (JMS)
- 20 Dolly 10 Feet
- 10Trolley hàng hóa

• Các dự án thuộc kế hoạch đầu tư phát triển 2020:

Tại Cảng HK QT TÂN SƠN NHẤT

Tổng mức đầu tư phát triển: **91.358.500.000 VNĐ – 23 DỰ ÁN**

+ Dự án đầu tư XDCB	:	0 VNĐ
+ Dự án đầu tư TTB	:	89.374.000.000 VNĐ
+ Dự án đầu tư CNTT	:	1.350.000.000 VNĐ
+ Trang thiết bị nhỏ lẻ	:	634.500.000 VNĐ

- Dự án đã thực hiện: 04 dự án (15.570.000:000 đồng, đạt 17% kế hoạch)
 - Dự án đầu tư TTB: 02 (Xe Apron: 02 xe / Xe ô tô 5 chỗ: 01 xe) –
Trị giá: 15.488.000.000 đồng
 - Dự án TTB nhỏ lẻ: 02 (Máy tính bảng: 01 cái / 01 tivi 65inch) –
Trị giá 82.000.000 đồng
- Dự án chưa thực hiện: 19 dự án
 - Có 14 dự án trang thiết bị sân đỗ.
 - Có 01 dự án CNTT.
 - Có 4 dự án mua sắm TTB nhỏ lẻ.

Tại Cảng HK QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG:

Tổng mức đầu tư phát triển 2020: **39.036.000.000 VNĐ – 14 DỰ ÁN**

+ Dự án đầu tư XDCB	:	0 VNĐ
+ Dự án đầu tư TTB	:	37.620.000.000 VNĐ

+ Dự án đầu tư CNTT :	1.288.000.000 VNĐ
+ Trang thiết bị nhỏ lẻ :	128.000.000 VNĐ

- Dự án đã thực hiện: 0 dự án
- Dự án chưa thực hiện: 14 dự án

Hiệu quả mang lại:

Tính đến 31/12/2020, Công ty đã hoàn thành xong công tác đầu tư các trang thiết bị mặt đất, các trang thiết bị CNTT và các tài sản nhỏ lẻ theo nhu cầu đề ra đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD của công ty tại Cảng HK QT Tân Sơn Nhất và Cảng HK QT Đà Nẵng.

Việc thực hiện đầu tư được thực hiện thông qua đấu thầu với Tổng giá trị hợp đồng (15.570.000.000 đồng)/ Tổng mức đầu tư phê duyệt (16.189.000.000 đồng), tiết kiệm 4% tương đương 619.000.000 đồng.

Tất cả các dự án đã thực hiện đều sử dụng vốn tự có của Công ty

6. Tình hình tài chính:

6.1. Tình hình tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2019 (*)	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản hợp nhất	1.045.525	1.253.425	83%
Doanh thu thuần hợp nhất	730.826	1.585.150	46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất	167.852	589.936	28%
Lợi nhuận khác hợp nhất	90	374	24%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	109.317	473.797	23%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	88.133	346.073	25%
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	25%	40%	
Tỷ lệ trả cổ tức thực hiện bằng tiền	25%	40%	
Tỷ lệ trả cổ tức thực hiện bằng cổ phiếu		0%	

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3.95	2.88	37%
Hệ số thanh toán nhanh	3.91	2.86	37%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0.15	0.22	-30%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.18	0.29	-37%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Vòng quay hàng tồn kho	99.54	121	-18%
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.70	1.26	-45%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Hệ số LNST hợp nhất/ Doanh thu thuần	0.12	0.22	-45%
Hệ số LNST hợp nhất/ Vốn chủ sở hữu	0.10	0.36	-72%
Hệ số LNST hợp nhất/ Tổng tài sản	0.08	0.28	-70%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.15	0.30	-50%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

7.1. Cổ phần:

- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 33.581.691 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 33.533.591 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 48.100 cổ phần (tính đến 31/12/2020)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 385.200 cổ phiếu. Trong đó:
 - Tổ chức Công đoàn: 140.000 cổ phần, không được chuyển nhượng trong suốt thời gian hoạt động của Công ty. (theo Điểm c, Khoản 2, Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).
 - Cổ phần Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: 245.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

7.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 25/03/2021:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	4	27.177.218	271.772.180.000	80,93%
2	Cổ đông nhỏ	960	6.536.373	65.363.730.000	18,93%
3	Cổ phiếu Quỹ	1	48.100	481.000.000	0,14%
Tổng cộng		965	33.581.691	335.816.910.000	100%
1	Cổ đông trong nước	896	32.732.513	327.325.130.000	97,47%
2	Cổ đông nước ngoài	68	801.078	8.010.780.000	2,39%
3	Cổ phiếu Quỹ	1	48.100	481.000.000	0,14%
Tổng cộng		965	33.581.691	335.816.910.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	42	30.850.768	308.507.680.000	91,87%
2	Cổ đông cá nhân	922	2.682.823	26.828.230.000	7,99%
3	Cổ phiếu Quỹ	1	48.100	481.000.000	0,14%
Tổng cộng		965	33.581.691	335.816.910.000	100%

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ: 48.100 cổ phiếu

Thời điểm thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu cam kết của nhân viên nghỉ việc trong năm 2015 số lượng 2.000 cổ phiếu, năm 2016 số lượng 7.500 cổ phiếu, năm 2017 số lượng 20.300 cổ phiếu, năm 2018 số lượng: 1.500 cổ phiếu, năm 2019 16.800 cổ phiếu.

Giá thu hồi cổ phiếu của CBNV mua theo cam kết khi cổ phần hóa: 14.000 đồng/ cổ phiếu

Giá thu hồi cổ phiếu của CBNV mua theo chương trình ESOP 2016: giá thu hồi cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày trước ngày tiến hành việc thu hồi nhưng không vượt quá giá phát hành (giá phát hành là 30.000 đồng/cổ phiếu)

Đối tượng giao dịch: Cổ đông là các cán bộ nhân viên của Công ty do nghỉ việc trước thời hạn cam kết khi thực hiện cổ phần hóa Công ty và các cổ đông là cán bộ nhân viên do nghỉ việc trước thời hạn cam kết khi mua theo chương trình ESOP năm 2016.

8. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

8.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có**

b) **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có**

8.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tại Tân Sơn Nhất: Điện (539.173 KWH), dầu (963.382 lít), xăng (27.975 lít)**

b) **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có thống kê cụ thể:**

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng và xây dựng kế hoạch, phương án tiết kiệm, sử dụng năng lượng hiệu quả.

Xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu (xăng, dầu) đối với hệ thống trang thiết bị làm cơ sở giám sát, đánh giá hiệu quả tiết kiệm chi phí.

Ưu tiên sử dụng các thiết bị điện có hiệu năng cao, được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền để thay thế các thiết bị cũ, có hiệu năng thấp tiêu tốn nhiều năng lượng trong công tác sửa chữa, cải tạo, đầu tư mới.

Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và thực hành tiết kiệm năng lượng cho cán bộ, công nhân viên.

8.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** Sử dụng nước cấp thủy cục cho bộ phận văn phòng. Tổng lượng nước sử dụng năm 2020: 2891 m³.

Đối với các bộ phận hoạt động trực tiếp nước sử dụng đã bao gồm trong tiền thuê văn phòng, thuê dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty.

b) **Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** không có thống kê cụ thể

8.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

8.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:** số lượng lao động bình quân năm 2020 là 1.597 người, thu nhập lao động bình quân: 12,6 triệu đồng/người/tháng giảm 40% so với năm 2019.

b) **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Hàng năm, thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở, Công ty đều tổ chức thực hiện Hội nghị người lao động, tăng cường sự hiểu biết, hợp tác giữa người sử dụng lao động và người lao động bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm của hai bên.

Quan tâm thực hiện, thực hiện các chế độ, chính sách chăm lo, đảm bảo người lao động yên tâm công tác, tạo điều kiện cho người lao động tái tạo, nâng cao năng suất lao động thông qua các hoạt động: khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm tai nạn, thăm hỏi, tặng quà hỗ trợ người lao động bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo, gặp hoàn cảnh khó khăn, tổ chức các chương trình tham quan, nghỉ mát nhằm tái tạo sức lao động cho người lao động và tổ chức khích lệ, khen thưởng đối với các trường hợp có thành tích tốt, sáng tạo trong hoạt động kinh doanh; tổ chức tặng quà khen thưởng cho các cháu là con của người lao động trong các ngày lễ, tết, tổng kết năm học.

Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật của Ngành Hàng không đảm bảo 100% các chuyến bay an ninh, an toàn.

Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

c) **Hoạt động đào tạo người lao động**

Theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, Theo các quy định về nội bộ của Công ty, các chức danh nhân viên phải tham dự các khóa học đào tạo cơ bản; theo đó tùy thuộc vào nhóm chức danh, nhân viên sẽ được huấn luyện định kỳ từ 1-2 lần/năm.

Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức các khóa học để cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm như: Tập huấn luật lao động, luật bảo hiểm xã hội mới; đấu thầu qua mạng; quản lý rủi ro; kỹ năng kiểm soát hoạt động đào tạo; Nhận thức và phương pháp, kỹ năng đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018; các lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ; Nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ.....

8.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy vậy với tinh thần chia sẻ trách nhiệm, khó khăn chung với xã hội, Công ty đã vận động cán bộ nhân viên cùng tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, như:

– Phối hợp cùng chính quyền, Hội Nạn nhân chất độc da cam và bảo trợ xã hội thị xã Phú Mỹ - Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tặng quà cho trẻ em trường khuyết tật nhân dịp năm học mới.

– Ủng hộ trẻ em xã Thiệu Mỹ - Trà Ôn – Vĩnh Long; ủng hộ cơ sở mái ấm tình thương giúp đỡ trẻ em mồ côi và cụ già không nơi nương tựa ở số 4395/1 Khu phố 4 – Nguyễn Cửu Phú – Phường Tân Tạo - Quận Bình Tân – TPHCM; Trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa ở Chùa Pháp Tánh – Quốc Lộ 50 – Tổ 10 - Ấp Kim Điền- Xã Tân Kim – Huyện Cần Giuộc – Long An.

8.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1.1 Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch:

Đại dịch COVID-19 xuất hiện ngay những ngày đầu năm 2020 đã trở thành “sát thủ vô hình” đẩy nền kinh tế toàn cầu chao đảo và lâm vào đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ II. COVID đã bùng phát và lan rộng chưa từng có trong lịch sử thế giới. Song song đó, tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bão lũ diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng xấu trực tiếp và làm đảo lộn cuộc sống của người dân, nhu cầu đi lại và du lịch suy giảm gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động khai thác, kinh doanh của ngành hàng không quốc tế nói chung và ngành hàng không Việt Nam nói riêng, trong đó có SAGS.

Theo Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), năm 2020 được đánh giá là một năm đại khủng hoảng của ngành hàng không thế giới khi lưu lượng hành khách đi lại cả năm ước tính giảm 66% so với trước dịch, kéo ngành hàng không quay trở về kết quả hoạt động của năm 1998 và doanh thu chỉ bằng năm 1993.

Tuy nhiên Công ty đã thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

Cụ thể:

- Doanh thu: đạt 746,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 88,1 tỷ đồng
- Nộp ngân sách nhà nước: 75 tỷ đồng trong đó 49,1 tỷ đồng là thuế TNDN.

1.1.2 Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, tìm kiếm khách hàng mới:

Trước bối cảnh suy giảm nghiêm trọng về tần suất khai thác do ảnh hưởng của dịch, Công ty đã phối hợp với các hãng nghiên cứu phương án khai thác: soạn thảo quy trình phục vụ hàng hóa trên khoang hành khách áp dụng cho từng hãng hàng không khai thác các loại máy bay khác nhau. Công ty là đơn vị đầu tiên trong ngành đầu tư thiết bị con lăn để tăng hiệu quả phục vụ hàng hóa, tăng hệ số an toàn trong quá trình phục vụ và giảm nhân công. Hiện thiết bị này đang được sử dụng để phục vụ cho gần 10 hãng hàng không chở hàng hóa trên khoang hành khách và được các hãng hàng không đánh giá rất cao.

Trong tình hình khó khăn của 6 tháng cuối năm 2020 khi Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đóng cửa 01 đường cất hạ cánh để sửa chữa, Công ty đã tích cực hỗ trợ các hãng hàng không xin Cục hàng không và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất sắp xếp thêm slot để tăng tần suất khai thác, tăng thêm doanh thu cho Công ty và giải quyết thêm công việc cho người lao động;

Năm 2020, Công ty đã tích cực tìm thêm khách hàng, đàm phán và ký thêm hợp đồng phục vụ cho hãng hàng không mới Vietravel Airlines.

- Thay đổi phương pháp quản trị doanh nghiệp:

Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà tính chất lây lan nhanh và mạnh, Công ty phải nghiên cứu áp dụng nhiều giải pháp quản trị doanh nghiệp tiên tiến góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Trong đó, Công ty đã áp dụng hình thức hội họp, đào tạo trực tuyến qua ứng dụng Zoom, Microsoft team nhằm đảm bảo tuân thủ giãn cách xã hội và tiết kiệm chi phí đi lại,

...

Tình trạng thiếu việc làm do sản xuất kinh doanh giảm sút, Công ty phải bám sát tình hình, làm tốt công tác giáo dục, chia sẻ thông tin kịp thời đến người lao động, động viên nhân viên tạm hoãn hợp đồng, nghỉ không lương, giảm giờ làm,

đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động trong giai đoạn không có việc và vẫn giữ được nguồn lao động chất lượng cao khi hoạt động phục vụ bay phục hồi.

Đối với hoạt động của Công ty, tính chất công việc tiếp xúc thường xuyên và trực tiếp với tổ bay, người nước ngoài, hành khách thì nguy cơ lây nhiễm rất cao. Ban lãnh đạo đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác phòng chống dịch Covid-19, tổ chức truyền thông, cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cho toàn thể cán bộ nhân viên cũng như nghiên cứu điều chỉnh quy trình làm việc đảm bảo tuân thủ quy định phòng chống dịch cho người lao động. Cho đến thời điểm này, Công ty không có trường hợp lây nhiễm nào.

Nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ chi phí, Công ty đã thực hiện một cách quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm: liên tục rà soát, sử dụng trang thiết bị hiệu quả; lên kế hoạch cất giữ bớt một số lượng lớn các trang thiết bị; điều chỉnh hoạt động khai thác theo hướng tổ chức phục vụ tập trung để tiết kiệm nhiên liệu; rà soát, trả dần các thiết bị đang thuê; điều chỉnh thuê linh hoạt trang thiết bị trong nhà ga theo tần suất khai thác ... nhờ đó giảm chi phí hoạt động hàng ngày.

Tiếp tục vận hành hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2015 cho toàn Công ty. Duy trì hệ thống đánh giá an toàn chuyên ngành phục vụ mặt đất ISAGO tại 03 Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Cam Ranh.

Trong năm 2020, Công ty nhận được 138 thư khen từ các hãng hàng không và hành khách.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

- Tài sản ngắn hạn: 588,35 tỷ đồng (chiếm 56% tổng tài sản)
- Tài sản dài hạn: 457,17 tỷ đồng (chiếm 44% tổng tài sản)

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả: 160,45 tỷ đồng (chiếm 15% tổng nguồn vốn)
- Vốn chủ sở hữu: 885,07 tỷ đồng (chiếm 85% tổng nguồn vốn)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Bám sát, đánh giá tình hình hoạt động hàng không quốc tế để thực hiện các biện pháp khôi phục và phát triển lại nguồn nhân lực chất lượng cao, chuẩn bị sẵn sàng cho việc khai thác trở lại của các hãng hàng không quốc tế.

Đẩy mạnh công tác hỗ trợ các hãng hàng không trong nước và quốc tế khôi phục khai thác các chuyến bay thương mại và nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng mới giúp gia tăng doanh thu.

Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch bệnh, cam kết cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ phòng chống dịch, tổ chức thực hiện nghiêm các chỉ thị của Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Cảng HKVN – CTCP, cơ quan y tế hữu quan, quyết tâm không có cán bộ nhân viên nào của Công ty bị lây nhiễm Covid.

Rà soát việc sử dụng nguồn lực hiệu quả và kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn thông qua việc điều chỉnh quy trình phục vụ, cải tiến phương pháp làm việc và tăng cường áp dụng công nghệ thông tin.

Tiếp tục xúc tiến việc thu hồi công nợ từ các hãng hàng không, nhất là các hãng hàng không trong nước.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương của đơn vị, tăng cường giám sát, nhắc nhở kịp thời các hành vi vi phạm kỷ luật lao động, không tuân thủ đúng quy trình, quy định, đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động bay.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty đang sử dụng nước cấp thủy cục cung cấp cho hoạt động khai thác, hoạt động của khối văn phòng. Nước sử dụng đều được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước cấp trước khi sử dụng, kiểm nghiệm định kỳ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo các quy định của pháp luật khi khai thác giếng khoan. Nước thải được các Cảng hàng không nơi Công ty cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý triệt để đạt các chỉ tiêu về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải. Đồng thời thực hiện tinh thần tiết kiệm nước, tiết kiệm tài nguyên. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã kiểm soát tốt việc thu gom và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao xử lý chất thải..

Với mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách, giải pháp: tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; cắt giảm sử dụng thiết bị; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng; điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu trang thiết bị để khai thác hiệu quả và tiết kiệm hơn.

Người lao động được tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Đối với người lao động công tác trong môi trường độc hại, nguy hiểm được trang bị các thiết bị bảo hộ, khám sức khỏe và có chính sách hỗ trợ.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Mặc dù năm 2020, Công ty phải đối diện với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, tình trạng thiếu việc làm do sản xuất kinh doanh giảm sút, Công ty phải bám sát tình hình, làm tốt công tác giáo dục, chia sẻ thông tin kịp thời đến người lao động, động viên nhân viên tạm hoãn hợp đồng, nghỉ không lương, giảm giờ làm, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động trong giai đoạn không có việc và vẫn giữ được nguồn lao động chất lượng cao khi hoạt động phục vụ bay phục hồi.

Đối với hoạt động của Công ty, tính chất công việc tiếp xúc thường xuyên và trực tiếp với tổ bay, người nước ngoài, hành khách thì nguy cơ lây nhiễm rất cao. Ban lãnh đạo đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác phòng chống dịch Covid-19, tổ chức truyền thông, cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cho toàn thể cán bộ nhân viên cũng như nghiên cứu điều chỉnh quy trình làm việc đảm bảo tuân thủ quy định phòng chống dịch cho người lao động. Cho đến thời điểm này, Công ty không có trường hợp lây nhiễm nào.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy vậy với tinh thần chia sẻ trách nhiệm, khó khăn chung với xã hội, trong năm 2020 Công ty đã vận động cán bộ nhân viên cùng tham gia các hoạt động từ thiện xã hội (nội dung này đã được báo cáo tại điểm 8.6 mục III)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao.

Tỷ lệ cao các chuyến bay phục vụ được đảm bảo an ninh, an toàn, hạn chế được tình trạng mất cắp hành lý, nâng cao tỷ lệ các chuyến bay đúng giờ.

Việc công bố thông tin và các nghĩa vụ của Công ty nghiêm yết được thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật chứng khoán.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước.

Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm với môi trường và xã hội (tăng cường các biện pháp tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu... bên cạnh đó vẫn quan tâm chăm lo hoạt động từ thiện xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Thông qua các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 đã đề

ra. Tổng Giám đốc đã thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. Hội đồng quản trị cùng với Tổng Giám đốc đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua.

Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Ban điều hành để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Các thành viên Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thông qua đó Hội đồng quản trị và Ban điều hành có cơ hội trao đổi, bàn bạc thấu đáo và cởi mở về những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của Ban kiểm soát, với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2020, đồng thời tuân thủ nghiêm các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ và các quy định pháp lý hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành:

– Rà soát, tu chỉnh Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, xây dựng quy chế hoạt động của HĐQT, BKS theo các văn bản pháp luật hiện hành trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 SAGS thông qua.

– Tiếp tục thực hiện rà soát, tu chỉnh các quy chế nội bộ của Công ty đảm bảo hoạt động của Công ty hiệu quả và phát triển;

– Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ và đưa vào hoạt động để tăng cường đảm bảo hoạt động của công ty ổn định, đúng quy định pháp luật.

– Chỉ đạo, quản trị hoạt động Công ty tiếp tục ổn định vượt qua giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do ĐHCĐ giao.

– Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, nâng cao chất lượng dịch vụ; thực hiện phòng chống dịch Covid 19 hiệu quả;

Về giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc: Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo các hoạt động của Công ty bám sát mục tiêu chiến lược và kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty; mở rộng nguồn thu thông qua việc phát triển các loại hình dịch vụ, tìm kiếm khách hàng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả, đặc biệt lưu ý trong việc kiểm soát và thu hồi công nợ.

Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Thực hiện các chức năng quản trị khác theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

BẢNG 5: DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đặng Tuấn Tú	Chủ tịch HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị điều hành
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
3	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
4	Ông Lưu Đức Khanh	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
5	Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị độc lập

1.1.1. ĐẶNG TUẤN TÚ – Chủ tịch HĐQT:

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/07/1963
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
10/1989 - 03/2002	Trình sát, Đội phó, Đội trưởng Đội 2, Từ năm 1993 - 2002 là Chi ủy viên; Đảng ủy viên Đảng bộ BP Phòng Bảo vệ ANKT, kiêm Bí thư Chi bộ 2.	Công an Tp.HCM (cấp bậc Trung tá)
03/2002 - 5/2005	Cán bộ Cục Bảo vệ ANKT, Cán bộ	Cục Bảo vệ chính trị 3 - Tổng cục An ninh, Bộ Công an.
6/2005 - 05/2007	Chuyên viên chính, Tổ trưởng tổ An ninh, Phòng Cảnh vụ	Cục cảnh HK Miền Nam
6/2007 - 5/2008	Phó phòng Cảnh vụ	Cục cảnh HK Miền Nam
5/2008 - 04/2012	Giám đốc Công ty Dịch vụ ANHK Tân Sơn Nhất	Tổng công ty Cảnh HK Miền Nam.
5/2012 - 3/2016	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thành viên HĐQT Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất	Cảng HKQT Tân Sơn Nhất
4/2016 - 12/2017	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Cảng HK Việt Nam; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất	Cảng HKQT Tân Sơn Nhất
01/2018 - 5/2018	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn TCT Cảng HKVN; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất	Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

05/2018 đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn GTVT Việt Nam; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn TCT Cảng HKVN; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất	Cảng HKQT Tân Sơn Nhất
-----------------	---	------------------------

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP
- Số cổ phần nắm giữ: 6.053.545 cổ phần, chiếm 18,03% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP: 6.053.545 cổ phiếu, chiếm 18,03% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
- Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn
 - Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP
 - Nắm giữ: 16.128.051 CP, chiếm 48,03% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.2. NGUYỄN NAM TIẾN – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/07/1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
11/1979 – 12/1986	Nhập ngũ, binh nhất đến trung úy	Trưởng sỹ quan CHKT không quân, công tác tại Bộ Tham mưu Không quân

01/1986 – 12/1993	Thượng úy, Đại úy - Phòng Điều hành bay	VP Sân bay TSN
01/1994 – 05/1996	Đội trưởng - Phòng Điều hành bay	VPKVMN
06/1996 – 10/2004	Phó phòng Điều hành, phòng Kế hoạch tổng hợp	Đoàn bay 919, Tp. HCM
11/2004 – 04/2008	Phó phòng Cảng vụ HK	Cụm cảng HK miền Nam
5/2008 – 6/2012	Phó Giám đốc Trung tâm Điều hành sân bay	Tổng công ty Cảng HK miền Nam
7/2012 – 4/2016	Phó Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất - Tổng công ty Cảng HK Việt Nam	Cảng HKQT Tân Sơn Nhất
4/2016 đến nay	Phó Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất - Tổng công ty Cảng HK Việt Nam - CTCP	Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

– Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Cảng HKQT Tân Sơn Nhất - Tổng công ty Cảng HK Việt Nam – CTCP.

– Số cổ phần nắm giữ: 5.037.253 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ

– Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP: 5.037.253 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ: không

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

– Môi quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn

- Tên tổ chức: **Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP**
- Nắm giữ: 16.128.051 CP, chiếm 48,03% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.3. NGUYỄN NGỌC ANH - Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/11/1970
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
11/1995-6/2005	Phó phòng Kinh doanh tổng hợp	Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC (Bộ Thương mại)
7/2005 - 3/2012	Chuyên viên Tổ mua sắm thiết bị Phòng Kế hoạch	Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam (Tên cũ: Cụm cảng hàng không miền Nam)
03/2012 - 6/2012	Chuyên viên Ban Pháp chế Kiểm soát nội bộ	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (Tên cũ: Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam)
6/2012-3/2014	Phó phòng Pháp chế	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Ban Pháp chế Kiểm soát nội bộ
3/2014-4/2018	Trưởng phòng Pháp chế	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, Ban Pháp chế
4/2018 đến nay	Phó trưởng ban	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, Ban Pháp chế-Kiểm toán nội bộ

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Pháp chế - Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.037.253 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP: 5.037.253 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
- Mỗi quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn
 - Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP
 - Nắm giữ: 16.128.051 CP, chiếm 48,03% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.4. NGUYỄN NGỌC ANH – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1981
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2005 đến nay	Giám đốc Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư phía Bắc CTCP Chứng khoán SSI
04/2018 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư phía Bắc CTCP Chứng khoán SSI
 - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Pan Farm
 - Thành viên HĐQT cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam
- Số cổ phần nắm giữ: không có
- Các cam kết nắm giữ: không có
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.5. LƯU ĐỨC KHÁNH - Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1960
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
1987 – 01/1995	Phó TGD	Cty CCL (Liên doanh giữa Công ty Du lịch Sài Gòn và C&C Singapore)
01/1995 – 08/1995	Giám đốc DVTM	Vietcombank
08/1995 – 02/2006	Giám đốc chiến lược	HSBC Bank Vietnam
02/2006 – 11/2006	Phó TGD	Techcombank
12/2006 – 11/2008	Tổng Giám đốc	AB Bank
11/2008 - 12/2009	TGD điều hành	Sovico Holdings
12/2009 – 06/2010	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Cty CP Điện máy – Máy tính viễn thông Hợp Nhất
2009 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT	HD Bank
04/2011 đến nay	Giám đốc điều hành	Cty Cổ phần hàng không Vietjet

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Hàng không Vietjet
 - Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng HD Bank
- Số cổ phần nắm giữ: 3.060.822 cổ phần, chiếm 9% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện Công ty cổ phần hàng không Vietjet: 3.060.822 cổ phiếu, chiếm 9% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ: không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
- Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn
 - Tên tổ chức: Công ty cổ phần hàng không Vietjet
 - Nắm giữ: 3.060.822 CP, chiếm 9% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.2. Các tiêu bản thuộc HĐQT: Công ty chưa có các tiêu bản thuộc HĐQT

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên hội đồng quản trị độc lập Bà Nguyễn Ngọc Anh đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến của Hội đồng quản trị. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 như sau:

– **Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và quy chế quản trị Công ty.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ. Biên bản họp Hội đồng quản trị đã được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

– **Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

HQĐT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Việc giám sát được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, đạt được kế hoạch do HĐQT và ĐHCĐ đã đề ra.

– **Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị:**

HQĐT đã triển khai thực hiện các công việc tập trung theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận của năm 2020, mang lại hiệu quả cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.

– Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 phiên họp nhằm đưa ra chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với thành phần tham dự cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Tuấn Tú	5/6	83%	Bận công tác
2	Ông Nguyễn Đình Hùng	1/1	100%	
3	Ông Nguyễn Nam Tiến	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Ngọc Anh	6/6	100%	
5	Bà Nguyễn Ngọc Anh	6/6	100%	
6	Ông Lưu Đức Khánh	6/6	100%	
7	Ông Lưu Quang Lãm	0/1	0%	Bận công tác
8	Bà Lê Thị Diệu Thúy	1/1	100%	
9	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	1/1	100%	

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	383a/NQ-HĐQT	03/03/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHCĐ thường niên 2020.	100%
2	386a/QĐ-HĐQT	31/03/2020	Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2019 của SAGS.	100%
3	389/NQ-HĐQT	21/04/2020	Thay đổi thời gian họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.	100%
4	391/QĐ-HĐQT	28/04/2020	Thành lập văn phòng Công ty.	100%

5	392/QĐ-HĐQT	28/04/2020	Đổi tên Ban Tổ chức hành chính thành Ban Tổ chức nhân sự.	100%
6	393a/QĐ-HĐQT	08/05/2020	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công ty SAGS.	100%
7	394/QĐ-HĐQT	14/05/2020	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện của Trung tâm đào tạo SAGS	100%
8	394a/NQ-HĐQT	14/05/2020	Điều chỉnh giá PVMĐ cho Công ty cổ phần hàng không Tre Việt	100%
9	397/QĐ-HĐQT	25/05/2020	Ban hành Quy chế làm việc tại phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2020	100%
10	398/QĐ-HĐQT	25/05/2020	Ban hành Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và KSV Công ty SAGS nhiệm kỳ 2020-2025	100%
11	02/NQ-HĐQT	04/06/2020	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 (Ông Đặng Tuấn Tú)	100%
12	03/QĐ-HĐQT	04/06/2020	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 (Ông Nguyễn Đình Hùng)	100%
13	07/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 (Ông Nguyễn Văn Mỹ)	100%
14	08/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 (Bà Lê Thị Hoàng Oanh)	100%
15	09/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 (Ông Hứa Kiến Trung)	100%
16	10/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 (Ông Phùng Danh Nguyên)	100%

17	12/NQ-HĐQT	17/06/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	100%
18	12b/NQ-HĐQT	24/07/2020	Nghị quyết các nội dung họp HĐQT ngày 24/07/2020	100%
19	14/NQ-HĐQT	25/08/2020	Nghị quyết về ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2019 (đợt 1)	100%
20	16/NQ-HĐQT	03/11/2020	Nghị quyết về ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2019 (đợt 2)	100%
21	18/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	100%
22	21/NQ-HĐQT	30/12/2020	Nghị quyết các nội dung họp HĐQT ngày 30/12/2020	100%

1.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Trong năm 2020 các thành viên HĐQT tham gia các chương trình cập nhật các văn bản pháp luật mới như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

BẢNG 6: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên

2.1.1. TRẦN QUANG TÂM THẢO - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1970

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế Toán

– Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
1994 - 2012	Tổ phó, Phòng Tài Chính - Kế Toán	TCT Cảng hàng không Miền Nam
2012 - 04/2018	Chuyên quản Cảng hàng không cấp 1, Phòng Kiểm soát nội bộ, Ban Tài chính - Kế toán	TCT Cảng hàng không Việt Nam
04/2018 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: không có
- Các cam kết nắm giữ: không có
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

2.1.2 TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngoại ngữ, Thạc sỹ quản trị Kinh Doanh- Thạc Sỹ tài chính

– Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
05/2006 - 02/2007	Trưởng phòng Tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM
03/2007 – 03/2008	Giám đốc chi nhánh HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
04/2008 – 01/2011	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền
02/2011 - 04/2012	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia
05/2012 - 04/2013	Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
05/2013 -11/2014	Tổng Giám đốc	Công ty Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam
07/2013 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
01/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
02/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh

– Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

– Chức vụ tại tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet.
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh

– Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ: không

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

– *Mối quan hệ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet*

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
- Năm giữ: 3.060.822 CP chiếm 9,11% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2.1.3 NGUYỄN THỊ THANH THỦY - Thành viên Ban Kiểm soát:

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/03/1988
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2014 - 2016	Chuyên viên cao cấp	Tập đoàn Vingroup
2016 - 2018	Trưởng phòng QTRR	CTCP Chứng khoán Sài Gòn
2018 – đến nay	Trưởng phòng đầu tư	CTCP Chứng khoán Sài Gòn (nay là SSI)

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Các cam kết nắm giữ: không
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2020, BKS tổ chức ba (03) cuộc họp chính thức, với 100% số lượng thành viên tham dự, thông qua các nội dung chính như sau:

- Kế hoạch làm việc của BKS 2020, phân công nhiệm vụ từng thành viên
- Thực hiện giám sát hoạt động theo kế hoạch. Thống nhất kết luận công tác kiểm tra giám sát của BKS.
- Thống nhất nội dung, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020. Tổng kết hoạt động của BKS và phương hướng hoạt động của BKS năm 2021.

Ngoài ba (03) phiên họp chính, BKS thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu, giữa các thành viên qua email, điện thoại, đề ra các biện pháp cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS.

Tham dự và tham gia thảo luận các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HDQT) và hội nghị giao ban của Ban Điều hành.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, của Hội đồng Quản trị và quyết định của Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước, việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế, Quy định của Công ty trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD).
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đến các đơn vị.
- Giám sát tình hình tài chính, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn, thu hồi công nợ.
- Giám sát các biện pháp tiết kiệm chi phí hoạt động.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các kết luận và phúc tra các kiến nghị của Ban Kiểm soát.
- Rà soát và đóng góp ý kiến trong việc ban hành, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty.
- Đề xuất với HDQT chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Các thành viên BKS đều làm việc tích cực, với tinh thần trách nhiệm cao, nắm bắt sâu sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, từ đó kịp thời có những đóng góp ý kiến, kiến nghị với HDQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi của công ty và cổ đông,

đồng thời BKS đã hoàn thành tốt kế hoạch, nhiệm vụ kiểm tra giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2.2.2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Qua công tác giám sát Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo, quản lý hoạt động của Công ty tuân thủ đúng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông năm 2020.

Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 thông qua. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, doanh thu năm 2020 không đạt kế hoạch, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã bám sát mục tiêu và chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành xuất sắc mục tiêu kế hoạch lợi nhuận mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua.

Phân phối lợi nhuận năm 2019: HĐQT đã chỉ đạo Công ty hoàn thành công tác chi trả cổ tức, chi thưởng và trích lập các quỹ theo đúng tiến độ và nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông 2020 thông qua.

HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo điều lệ quy định. Cụ thể, trong năm 2020 HĐQT tổ chức 06 cuộc họp và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên bằng văn bản đề ra quyết định kịp thời. Trong năm, HĐQT đã ban hành 22 nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết /quyết định đã được Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Các hoạt động quản trị, điều hành hoạt động sản xuất của Ban Tổng Giám đốc đều được HĐQT giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời.

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị, chi nhánh phù hợp nhu cầu tăng trưởng và tình hình diễn biến của dịch bệnh covid ảnh hưởng đến thị trường hàng không trong nước và quốc tế.

Chỉ đạo việc thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định.

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ đúng và quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, định hướng hoạt động SXKD công ty ổn định và phát triển, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020.

2.2.3. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, phân cấp, tuân thủ theo Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Triển khai chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chức năng phối hợp thực hiện kế hoạch SXKD do HĐQT giao, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện, Ban Tổng Giám đốc chủ động báo cáo tiến độ, thuận lợi, khó khăn, từ đó đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị thông qua chủ trương, các nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị, để HĐQT đưa ra các quyết định kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành mục tiêu.

Ban Tổng Giám đốc SAGS đã sâu sát, cẩn trọng trong quản lý và năng động trong điều hành, lãnh đạo cán bộ nhân viên đoàn kết phấn đấu xuất sắc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2020.

2.2.4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc với Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có phối hợp chặt chẽ trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, thông qua đó Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã trao đổi, bàn bạc thấu đáo về những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của Ban Kiểm soát trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, quyền lợi của Cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Các kiến nghị của BKS đều được hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc xem xét và chỉ đạo thực hiện, một số ý kiến của Ban kiểm soát vẫn còn đang tiếp tục thực hiện để đảm bảo lợi ích của công ty, tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định của công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ.

2.2.5. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc lập và công bố thực hiện đúng theo quy định hiện hành của UBCKNN và của Bộ Tài Chính.

Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2020 phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2.2.6. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, các quy chế, quy định của công ty.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2021.

Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, ký kết hợp đồng năm 2021

Giám sát việc kiện toàn hệ thống các văn bản, sửa đổi điều lệ, quy chế, quy định, cơ cấu tổ chức của Công ty, tuân thủ pháp luật, chấp hành các thông tư, nghị định, quy định mới áp dụng từ 01/01/2021 của Nhà nước.

Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm 2021 của Công ty.

Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020 được trình bày tại thuyết minh số 22 trang 33 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

3.2.1. Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc – người nội bộ	152.252	0,45 %	189.902	0,565 %	Mua
2	Công ty CP chứng khoán SSI	Cổ đông lớn	5.363.640	15,99 %	5.667.178	16,9%	Mua/bán

3.2.2. Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty:

STT	Tên tổ chức/cá nhân giao dịch	Mối quan hệ liên quan với thành viên HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú Note
1	Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP và Công ty CP PVMĐ Sài Gòn	Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của thành viên HĐQT: Ông Đặng Tuấn Tú, Ông Nguyễn Nam tiến, Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chi trả cổ tức 2019: 64.512.204.000 đồng	
			Mua dịch vụ: 76.738.593.665 đồng	
			Bán dịch vụ: 6.638.353.579 đồng	
2	Tổng Công ty Cảng HKVN-CTCP và Công ty CP PVMĐ Sài Gòn – Cam Ranh	Giao dịch giữa Công ty con và người có liên quan của thành viên HĐQT: Ông Đặng Tuấn Tú, Ông Nguyễn Nam tiến, Ông Nguyễn Ngọc Anh	Mua dịch vụ: 14.145.862.570 đồng	
2	Công ty CP PVMĐ Sài Gòn và Công ty cổ phần hàng không Vietjet	Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của thành viên HĐQT ông Lưu Đức Khánh	Chi trả cổ tức 2019: 12.243.288.000 đồng	
			Bán dịch vụ: 222.044.675.850 đồng	
3	Công ty CP PVMĐ Sài Gòn – Cam Ranh và Công ty cổ phần hàng không Vietjet	Giao dịch giữa Công ty con và người có liên quan của thành viên HĐQT ông Lưu Đức Khánh	Bán dịch vụ: 32.650.852.700 đồng	

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: đã nêu tại mục 3.2

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.


VI. Ý KIẾN KIỂM TOÁN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỦA CÔNG TY

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

VII. Ý KIẾN KIỂM TOÁN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (Công ty đã Công bố thông tin vào ngày 23/03/2021)

Xác nhận của đại diện theo 
pháp luật của Công ty




CHỦ TỊCH HĐQT
Đặng Tuấn Cú

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 36

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (lần thứ 7 ngày 24 tháng 6 năm 2020).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất; cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành; công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải; xi mạ điện tại trụ sở), đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Tuấn Tú	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Lưu Quang Lâm	Phó Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng ban	
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiên Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Danh Nguyễn	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Tuấn Tú	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Đình Hùng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty ("bao gồm báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Hồ Chí Minh và chi nhánh không có tư cách pháp nhân") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Ngày 23 tháng 3 năm 2021



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.vn

Số tham chiếu: 61354721/22028648

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

100
CỔ
PH
NS
VII

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		531.522.275.805	660.189.713.971
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	209.216.556.675	189.184.468.773
111	1. Tiền		29.216.556.675	109.184.468.773
112	2. Các khoản tương đương tiền		180.000.000.000	80.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		70.000.000.000	210.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	70.000.000.000	210.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		243.603.245.801	250.497.797.677
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	242.185.078.491	245.930.819.898
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	103.864.129	175.078.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.314.303.181	4.391.899.779
140	IV. Hàng tồn kho		4.613.183.825	5.767.760.618
141	1. Hàng tồn kho	8	4.613.183.825	5.767.760.618
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.089.289.504	4.739.686.903
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.152.213.601	1.772.985.879
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	2.966.701.024
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.937.075.903	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		372.453.251.840	391.232.631.757
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		867.375.475	1.139.310.450
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	7.268.604.900	7.277.178.500
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	20.939.295.300	20.856.000.000
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(27.340.524.725)	(26.993.868.050)
220	II. Tài sản cố định		343.457.690.446	330.258.770.103
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	343.457.690.446	330.258.770.103
222	Nguyên giá		792.916.561.848	679.313.287.303
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(449.458.871.402)	(349.054.517.200)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	30.960.527.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	30.960.527.273
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		25.928.400.000	25.928.400.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	11	25.928.400.000	25.928.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.199.785.919	2.945.623.931
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	134.602.151	1.334.768.225
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	2.065.183.768	1.610.855.706
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		903.975.527.645	1.051.422.345.728

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		143.449.059.889	245.365.973.144
310	I. Nợ ngắn hạn		135.807.149.079	236.883.812.678
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	13.766.585.879	55.312.296.042
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.900.910.023	554.489.830
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.695.410.489	37.050.292.955
314	4. Phải trả người lao động		56.909.988.200	73.234.081.698
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	38.354.286.835	58.368.381.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	5.126.843.612	3.112.988.173
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.053.124.041	9.251.282.162
330	II. Nợ dài hạn		7.641.910.810	8.482.160.466
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	7.641.910.810	8.482.160.466
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		760.526.467.756	806.056.372.584
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	760.526.467.756	806.056.372.584
411	1. Vốn cổ phần		335.816.910.000	335.816.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		335.816.910.000	335.816.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(753.400.000)	(753.400.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		224.226.546.571	150.769.139.305
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		194.632.731.185	313.620.043.279
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		89.518.862.639	3.956.140.049
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		105.113.868.546	309.663.903.230
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		903.975.527.645	1.051.422.345.728




Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B02-DN

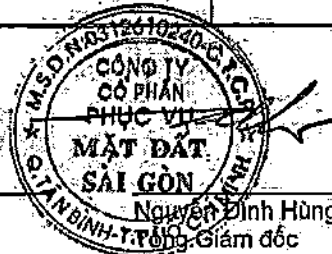
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	649.477.312.629	1.310.028.677.308
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		482.480.288.675	817.857.052.093
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		166.997.023.954	492.171.625.215
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	29.070.609.841	19.157.702.421
22	5. Chi phí tài chính	18	936.454.371	969.149.693
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	67.122.736.309	112.669.771.855
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		128.008.443.115	397.690.406.088
31	8. Thu nhập khác		49.159.934	247.509.689
32	9. Chi phí khác		161.017.969	56.755.080
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(111.858.035)	190.754.609
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		127.896.585.080	397.881.160.697
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.2	23.237.044.596	79.229.381.709
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21.3	(454.328.062)	(728.252.604)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		105.113.868.546	319.380.031.592


Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập


Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		127.896.585.080	397.881.160.697
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	100.404.354.202	73.559.311.571
03	Dự phòng		346.656.675	-
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(543.700)	137.228.174
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.283.734.944)	(17.047.478.673)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		201.363.317.313	454.530.221.769
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		5.484.573.273	(91.876.710.349)
10	Giảm hàng tồn kho		1.154.576.793	4.139.659.317
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(78.077.890.308)	21.756.237.824
12	Giảm chi phí trả trước		820.938.352	698.994.074
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(49.131.943.889)	(65.312.478.759)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.587.717.495)	(17.802.422.744)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		67.025.854.039	306.133.501.132
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(82.642.747.272)	(176.229.038.064)
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(210.000.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		140.000.000.000	-
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		29.717.844.532	14.613.012.919
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		87.075.097.260	(371.616.025.145)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	16.1	-	(235.200.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(133.986.015.800)	(71.893.956.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(133.986.015.800)	(72.129.156.000)

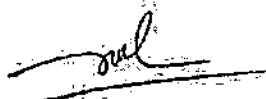
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

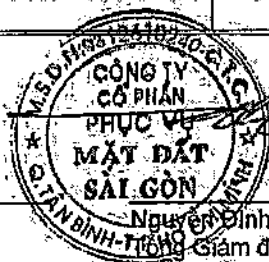
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		20.114.935.499	(137.611.680.013)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		189.184.468.773	326.806.681.024
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(82.847.597)	(10.532.238)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	209.216.556.675	189.184.468.773



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (lần thứ 7 ngày 24 tháng 6 năm 2020).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thường mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải; dự lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử; cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.624 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.965).

Công ty có một chi nhánh và một công ty con, như sau:

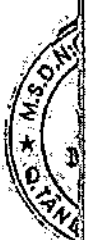
Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Công ty con

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNDKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các Giấy CNDKDN điều chỉnh sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thường mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200 cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng); phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, và phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm).

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng tại Chi nhánh.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	29.216.556.675	109.184.468.773
Các khoản tương đương tiền (*)	180.000.000.000	80.000.000.000
TỔNG CỘNG	209.216.556.675	189.184.468.773

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 2,9%/năm đến 3,5%/năm (năm 2019: 4,3%/năm đến 5,0%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư này thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 3,3%/năm đến 3,5%/năm (năm 2019: 4,8%/năm đến 6,5%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	242.185.078.491	245.930.819.898
Bên liên quan (Thuyết minh số 22)	143.121.591.591	73.149.827.197
Bên khác	99.063.486.900	172.780.992.701
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	66.233.388.503	40.873.926.238
Qatar Airways	6.270.750.527	31.894.932.444
Asiana Airlines Inc.	5.810.514.570	8.841.830.006
Emirates Airline	5.663.668.500	2.509.281.558
Air Hongkong	2.507.719.725	2.424.386.440
Thai Vietjet Air Joint Stock Company	2.075.361.986	1.666.921.187
Turkish Airlines	1.678.175.100	5.250.973.322
Tiger Airways Singapore Pte. Ltd	628.050.938	6.294.654.585
T'way Air., Ltd	581.773.500	3.777.823.508
Jetstar Asia Airways Pte Ltd	330.595.436	5.527.439.797
Malindo Air	269.820.340	1.555.588.196
Nok Airlines Public Company Limited	164.414.250	2.609.046.030
Air Asia Berhart	108.338.183	18.976.004.945
Thai Air Asia	-	10.571.849.016
Jin Air	-	3.690.703.602
Jetstar Airways Pty Ltd	-	2.470.425.058
Air Busan	-	1.969.259.415
Dht Aviation Inc	-	1.533.781.426
Khác	6.740.915.342	20.342.165.928
Dài hạn	7.268.604.900	7.277.178.500
Công ty Cổ phần Air Mekong	5.508.337.650	5.508.337.650
Cardig Air	1.760.267.250	1.768.840.850
TỔNG CỘNG	249.453.683.391	253.207.998.398
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(6.740.524.725)	(6.393.868.050)
GIÁ TRỊ THUẬN	242.713.158.666	246.814.130.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. **PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN** (tiếp theo)

6.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	74.864.129	-
Công ty TNHH Art HGH	-	157.300.000
Khác	29.000.000	17.778.000
TỔNG CỘNG	103.864.129	175.078.000

7. **CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.314.303.181	4.391.899.779
Lãi dự thu	552.191.781	2.986.301.369
Phải thu lại của nhân viên	138.323.846	132.470.213
Tạm ứng nhân viên	83.050.000	28.650.000
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	-	308.882.580
Khác	540.737.554	935.595.617
Dài hạn	20.939.295.300	20.856.000.000
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng	-	-
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	20.600.000.000
Ký cược, ký quỹ	339.295.300	256.000.000
TỔNG CỘNG	22.253.598.481	25.247.899.779
Dự phóng phải thu dài hạn khó đòi	(20.600.000.000)	(20.600.000.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.653.598.481	4.647.899.779

8. **HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.388.963.825	4.723.355.910
Công cụ, dụng cụ	224.220.000	1.044.404.708
TỔNG CỘNG	4.613.183.825	5.767.760.618

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.152.213.601	1.772.985.879
Phần mềm mail server và license	820.488.924	250.379.730
Phí bảo hiểm trách nhiệm hàng không	426.428.255	446.254.687
Phí bảo hiểm phương tiện vận chuyển	350.171.248	376.106.648
Phí cước Metrowan	205.390.773	226.872.134
Khác	349.734.401	473.372.680
Dài hạn	134.602.151	1.334.768.225
Chi phí tần số vô tuyến điện	134.602.151	5.790.254
Chi phí sửa chữa và cải tạo	-	790.494.602
Bản quyền phần mềm Kaspersky, công nghệ	-	304.133.365
Khác	-	234.350.004
TỔNG CỘNG	2.286.815.752	3.107.754.104

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	28.572.342.754	12.359.321.260	612.188.065.493	26.193.557.796	679.313.287.303
Mua mới	-	-	82.114.997.272	527.750.000	82.642.747.272
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	30.960.527.273	-	30.960.527.273
Số cuối năm	<u>28.572.342.754</u>	<u>12.359.321.260</u>	<u>725.263.590.038</u>	<u>26.721.307.796</u>	<u>792.916.561.848</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(5.167.337.833)	(9.678.363.097)	(320.561.750.307)	(13.647.065.963)	(349.054.517.200)
Khấu hao trong năm	(1.155.459.548)	(990.167.791)	(95.421.162.485)	(2.837.564.378)	(100.404.354.202)
Số cuối năm	<u>(6.322.797.381)</u>	<u>(10.668.530.888)</u>	<u>(415.982.912.792)</u>	<u>(16.484.630.341)</u>	<u>(449.458.871.402)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>23.405.004.921</u>	<u>2.680.958.163</u>	<u>291.626.315.186</u>	<u>12.546.491.833</u>	<u>330.258.770.103</u>
Số cuối năm	<u>22.249.545.373</u>	<u>1.690.790.372</u>	<u>309.280.677.246</u>	<u>10.236.677.455</u>	<u>343.457.690.446</u>

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 180.544.243.462 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	Tỷ lệ	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	25.928.400.000	51%	25.928.400.000	51%

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 10 năm 2017 của SAGS-CXR đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:6 (phát hành 6 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, SAGS-CXR đã hoàn tất việc phát hành này với tổng số cổ phiếu được phát hành là 1.860.000 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 18.600.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của SAGS-CXR từ 31.000.000.000 VND tăng thành 49.600.000.000 VND; tỷ lệ góp vốn của Công ty trong SAGS-CXR vẫn không đổi, tuy nhiên số lượng cổ phần sở hữu tăng từ 1.581.000 thành 2.529.600 cổ phần.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 của SAGS-CXR đã thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Theo đó, SAGS-CXR đã hoàn tất việc phát hành này với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 1.984.000 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 19.840.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của SAGS-CXR từ 49.600.000.000 VND tăng thành 69.440.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong SAGS-CXR vẫn không đổi, tuy nhiên số lượng cổ phần sở hữu tăng từ 2.529.600 thành 3.541.440 cổ phần.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2019 của SAGS-CXR đã thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Theo đó, SAGS-CXR đã hoàn tất việc phát hành này với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 2.777.600 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 27.776.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của SAGS-CXR từ 69.440.000.000 VND tăng thành 97.210.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong SAGS-CXR vẫn không đổi, tuy nhiên số lượng cổ phần sở hữu tăng từ 3.541.440 thành 4.958.016 cổ phần.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 22)	10.022.410.443	23.979.029.890
Bên khác	3.744.175.436	31.333.266.152
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	891.567.600	693.577.500
Công ty Cổ phần Avintech	-	8.950.040.000
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Hàng không Việt Nam	-	5.221.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	-	4.291.764.336
Các nhà cung cấp khác	2.852.607.836	12.176.084.316
TỔNG CỘNG	13.766.585.879	55.312.296.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	-	816.893.587	-	816.893.587
Thuế Thu nhập cá nhân ("TNCN")	-	1.120.182.316	-	1.120.182.316
TỔNG CỘNG	-	1.937.075.903	-	1.937.075.903
Phải nộp				
Thuế TNDN	25.078.005.706	24.053.938.183	(49.131.943.889)	-
Thuế TNCN	11.616.851.764	12.557.538.569	(24.140.342.582)	34.047.751
Thuế GTGT	355.435.485	37.574.027.817	(35.268.100.584)	2.661.362.738
Thuế khác	-	75.299.357	(75.299.357)	-
TỔNG CỘNG	37.050.292.955	74.260.803.926	(108.615.686.392)	2.695.410.489

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ dự phòng tiền lương	35.319.894.798	54.000.000.000
Chi phí hội nghị	1.300.000.000	2.000.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	705.068.182	126.000.000
Bồi dưỡng độc hại	670.820.000	800.927.273
Khác	358.503.855	1.441.454.545
TỔNG CỘNG	38.354.286.835	58.368.381.818

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.126.843.612	3.112.988.173
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	738.790.614	871.907.565
Khác	4.388.052.998	2.241.080.608
Dài hạn	7.641.910.810	8.482.160.466
Nhận ký cược, ký quỹ của các hãng hàng không	7.641.910.810	8.482.160.466
TỔNG CỘNG	12.768.754.422	11.595.148.639

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	239.959.520.000	6.603.680.000	(518.200.000)	122.879.919.712	211.348.024.102	580.272.943.814
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	319.380.031.592	319.380.031.592
Trả cổ tức 2018 bằng cổ phiếu	95.857.390.000	-	-	-	(95.857.390.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(235.200.000)	-	-	(235.200.000)
Trích quỹ theo NGHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019	-	-	-	27.889.219.593	(27.889.219.593)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NGHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019	-	-	-	-	(7.852.824.597)	(7.852.824.597)
Cổ tức còn lại năm 2018	-	-	-	-	(71.893.956.000)	(71.893.956.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành năm 2018	-	-	-	-	(2.976.728.915)	(2.976.728.915)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành sáu tháng đầu năm 2019	-	-	-	-	(3.114.023.585)	(3.114.023.585)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2019	-	-	-	-	(7.523.869.725)	(7.523.869.725)
Số cuối năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	150.769.139.305	313.620.043.279	806.056.372.584

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm này						
Số đầu năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	150.769.139.305	313.620.043.279	806.056.372.584
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	105.113.868.546	105.113.868.546
Cổ tức 2019 đã công bố (*)	-	-	-	-	(134.134.364.000)	(134.134.364.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020	-	-	-	73.457.407.266	(73.457.407.266)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020	-	-	-	-	(11.638.932.170)	(11.638.932.170)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành sáu tháng cuối năm 2019	-	-	-	-	(4.870.477.204)	(4.870.477.204)
Số cuối năm	<u>335.816.910.000</u>	<u>6.603.680.000</u>	<u>(753.400.000)</u>	<u>224.226.546.571</u>	<u>194.632.731.185</u>	<u>760.526.467.756</u>

(*) Theo NQĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu năm 2019 bằng tiền tại mức 40% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (4.000 VND/cổ phần).

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,03%	161.280.510.000	48,03%	161.280.510.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	16,88%	56.671.780.000	14,97%	50.272.300.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	9,11%	30.608.220.000	9,11%	30.608.220.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng	7,61%	25.572.450.000	7,61%	25.572.450.000
Khác	18,23%	61.202.950.000	20,14%	67.602.430.000
Cổ phiếu quỹ	0,14%	481.000.000	0,14%	481.000.000
TỔNG CỘNG		335.816.910.000		335.816.910.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	335.816.910.000	239.959.520.000
Tăng trong năm	-	95.857.390.000
Số cuối năm	<u>335.816.910.000</u>	<u>335.816.910.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền	133.986.015.800	71.893.956.000

16.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	33.581.691	33.581.691
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(48.100)	(48.100)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	33.533.591	33.533.591

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ hàng không	635.287.403.002	1.265.051.816.739
<i>Phục vụ mặt đất</i>	609.113.788.462	1.215.046.105.461
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	22.376.325.554	40.246.603.506
<i>Dịch vụ xe chờ khách</i>	3.777.129.810	9.348.608.097
<i>Dịch vụ quây thủ tục</i>	20.159.176	410.499.675
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	14.189.909.627	44.976.860.569
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	6.378.835.479	8.814.504.577
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	2.260.018.100	3.701.244.380
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	2.507.234.275	7.257.043.334
<i>Dịch vụ VIP</i>	147.173.319	8.077.336.334
<i>Dịch vụ cho thuê trang thiết bị</i>	-	7.504.274.905
<i>Dịch vụ giặt ủi</i>	-	2.592.990.526
<i>Khác</i>	2.896.648.454	7.029.466.513

TỔNG CỘNG

649.477.312.629 **1.310.028.677.308**

Trong đó:

<i>Doanh thu từ bên khác</i>	420.016.560.198	903.641.905.909
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	229.460.752.431	406.386.771.399

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được nhận	14.874.048.000	7.082.880.000
Lãi tiền gửi	12.409.686.944	9.964.598.673
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.786.331.197	2.110.223.748
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	543.700	-
TỔNG CỘNG	29.070.609.841	19.157.702.421

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	936.454.371	831.921.519
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	137.228.174
TỔNG CỘNG	936.454.371	969.149.693

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.326.990.982	1.707.119.255
Chi phí nhân viên	36.050.124.228	54.346.908.710
Chi phí khấu hao	3.051.636.175	1.792.700.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.273.547.676	32.740.960.455
Chi phí nhượng quyền khai thác	9.529.580.586	18.972.932.759
Chi phí bằng tiền khác	890.856.662	3.109.150.317
TỔNG CỘNG	67.122.736.309	112.669.771.855

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	17.526.298.706	35.704.534.603
Chi phí nhân viên	293.508.272.183	505.891.176.250
Chi phí khấu hao	100.404.354.202	73.559.311.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.743.662.645	293.283.718.447
Chi phí nhượng quyền khai thác	9.529.580.586	18.972.932.759
Chi phí bằng tiền khác	890.856.662	3.115.150.318
TỔNG CỘNG	549.603.024.984	930.526.823.948

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (2019: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.237.044.596	79.229.381.709
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(454.328.062)	(728.252.604)
TỔNG CỘNG	22.782.716.534	78.501.129.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>127.896.585.080</u>	<u>397.881.160.697</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	25.579.317.016	79.576.232.139
<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	175.485.111	312.553.822
Liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.724.007	28.919.144
Thu nhập cổ tức	<u>(2.974.809.600)</u>	<u>(1.416.576.000)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>22.782.716.534</u>	<u>78.501.129.105</u>

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>127.896.585.080</u>	<u>397.881.160.697</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	25.579.317.016	79.576.232.139
<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	175.485.111	312.553.822
Liên quan đến chi phí Sita	(53.200.000)	63.200.000
Liên quan đến chi phí hội nghị	(140.000.000)	253.889.214
Liên quan đến chi phí quảng cáo, tiếp thị	(200.000.000)	200.000.000
Liên quan đến chi phí bồi dưỡng độc hại	(26.021.455)	36.415.455
Liên quan đến chi phí dự phòng cho khoản phải thu Gardig Air	69.331.335	177.106.080
Liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.724.007	28.919.144
Liên quan đến chi phí trích trước khác	(2.181.818)	(2.358.145)
Thu nhập cổ tức	<u>(2.974.809.600)</u>	<u>(1.416.576.000)</u>
Liên quan đến chi phí khác	806.400.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>23.237.044.596</u>	<u>79.229.381.709</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>tổng hợp</i>		<i>kinh doanh tổng hợp</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí Sita	10.000.000	63.200.000	(53.200.000)	63.200.000
Chi phí hội nghị	260.000.000	400.000.000	(140.000.000)	253.889.214
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	-	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000
Chi phí bồi dưỡng độc hại	134.164.000	160.185.455	(26.021.455)	36.415.455
Dự phòng cho khoản phải thu Cardig Air	246.437.415	177.106.080	69.331.335	177.106.080
Chi phí trích trước khác	22.909.091	25.090.909	(2.181.818)	(2.358.145)
Dự phòng cho Transaero Airline	585.273.262	585.273.262	-	-
Khác	806.400.000	-	806.400.000	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.065.183.768	1.610.855.706		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			454.328.062	728.252.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	2.581.126.371	1.756.342.485
- Ông Đặng Tuấn Tú (*)	1.100.000.000	-
- Ông Nguyễn Nam Tiến (**)	49.000.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Anh (**)	49.000.000	-
- Ông Lưu Đức Khánh	49.000.000	-
- Bà Nguyễn Ngọc Anh	285.733.805	-
- Ông Nguyễn Đình Hùng (**)	338.191.150	-
- Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên (**)	236.733.805	-
- Bà Lê Thị Diệu Thúy (**)	236.733.805	-
- Ông Lưu Quang Lâm	236.733.805	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát	993.010.265	1.167.081.958
- Bà Trần Quang Tâm Thảo (*)	801.733.805	-
- Bà Trần Dương Ngọc Thảo	163.276.460	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	28.000.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	10.901.982.344	16.644.095.251
- Ông Nguyễn Đình Hùng	2.936.382.599	-
- Ông Nguyễn Văn Mỹ	2.137.432.273	-
- Ông Hứa Kiên Trung	2.047.144.957	-
- Bà Lê Thị Hoàng Oanh	2.045.504.957	-
Ông Phùng Danh Nguyễn	1.735.517.558	-
TỔNG CỘNG	23.035.993.694	19.567.519.694

(*) Thành viên chuyên trách.

(**) Thu nhập được chuyển về chủ sở hữu, việc phân phối sẽ do chủ sở hữu thực hiện.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ("ACV")	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ("ACV")		Sử dụng dịch vụ	7.545.252.861	18.636.918.961
		Cung cấp dịch vụ	6.638.353.579	8.005.498.957
		Chia cổ tức	64.513.276.500	34.560.111.000
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	58.195.380.729	140.884.339.559
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	10.997.960.075	22.091.642.217
		Cung cấp dịch vụ	-	536.503
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Thu nhập cổ tức	14.874.048.000	7.082.880.000
		Cung cấp dịch vụ	777.723.002	10.229.186.777
		Sử dụng dịch vụ	213.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	222.044.675.850	382.915.037.900

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	2.329.114.601	-
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	898.828.707
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	140.792.476.990	72.250.998.490
			<u>143.121.591.591</u>	<u>73.149.827.197</u>

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm kế toán như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)		Sử dụng dịch vụ	-	838.644.254
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	7.639.119.619	22.710.418.744
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	2.148.990.824	429.966.892
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	234.300.000	-
			10.022.410.443	23.979.029.890

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	VND		
	Văn phòng Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Doanh thu	935.877.280.672	374.151.396.636	1.310.028.677.308
Chi phí	(686.241.536.923)	(244.285.287.025)	(930.526.823.948)
Lợi nhuận bộ phận	249.635.743.749	129.866.109.611	379.501.853.360
Doanh thu hoạt động tài chính	18.835.014.638	322.687.783	19.157.702.421
Chi phí tài chính	(733.132.789)	(236.016.904)	(969.149.693)
Thu nhập khác	247.266.913	242.776	247.509.689
Chi phí khác	(56.754.369)	(711)	(56.755.080)
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	267.928.138.142	129.953.022.555	397.881.160.697
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(53.083.093.916)	(26.146.287.793)	(79.229.381.709)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	678.916.203	49.336.401	728.252.604
Lợi nhuận sau thuế TNDN	215.523.960.429	103.856.071.163	319.380.031.592
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Tài sản bộ phận	979.641.034.174	71.781.311.554	1.051.422.345.728
Nợ phải trả bộ phận	201.751.249.134	43.614.724.010	245.365.973.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND		
	Văn phòng Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:			
Doanh thu	530.979.579.991	118.497.732.638	649.477.312.629
Chi phí	(431.600.601.303)	(118.002.423.681)	(549.603.024.984)
Lợi nhuận bộ phận	99.378.978.688	495.308.957	99.874.287.645
Doanh thu hoạt động tài chính	28.781.392.648	289.217.193	29.070.609.841
Chi phí tài chính	(740.803.518)	(195.650.853)	(936.454.371)
Thu nhập khác	47.785.542	1.374.392	49.159.934
Chi phí khác	(151.154.305)	(9.863.664)	(161.017.969)
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	127.316.199.055	580.386.025	127.896.585.080
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(23.124.638.685)	(112.405.911)	(23.237.044.596)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	456.549.517	(2.221.455)	454.328.062
Lợi nhuận sau thuế TNDN	104.648.109.887	465.758.659	105.113.868.546
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Tài sản bộ phận	868.091.759.679	35.883.767.966	903.975.527.645
Nợ phải trả bộ phận	123.986.270.729	19.462.789.160	143.449.059.889

24. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS và Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS và các phụ lục đính kèm hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	15.935.243.963	15.935.243.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

25.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	19.449.932.342	845.833,11	65.920.061.343	2.852.817,82

25.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Giá trị	VND
		Nguyên nhân xóa nợ
Transaero Airline	2.926.366.316	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hùng
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHỤC VỤ
MẶT ĐẤT
SÀI GÒN**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ
MẶT ĐẤT SÀI GÒN
DN: c=VN, st=HỒ Chí Minh,
l=Tân Bình, cn=CÔNG TY
CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT
ĐẤT SÀI GÒN,
o=9234219200300.100.1.1
=MST:0312610240
Date: 2021.03.24 10:17:56
+07'00'

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (lần thứ 7 ngày 24 tháng 6 năm 2020).

Hoạt động theo Giấy CNĐKDN của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật; khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không; các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (từ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), và đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Tuấn Tú	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Lưu Quang Lâm	Phó Chủ tịch	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 4 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng ban	
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiên Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Tuấn Tú	bổ nhiệm từ ngày 4 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Đình Hùng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm và việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc: ✓

Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, BITECO Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam.

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61354721/22028649-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

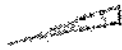
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



EY

Building a better
working world.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trưởng nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1.

Ly Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

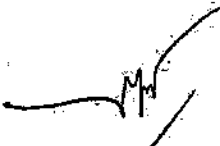
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		588.349.804.359	781.264.878.163
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	223.318.461.486	250.778.183.037
111	1. Tiền		33.318.461.486	140.778.183.037
112	2. Các khoản tương đương tiền		190.000.000.000	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		70.000.000.000	213.380.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	70.000.000.000	213.380.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		279.702.735.417	302.113.771.308
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	274.475.374.876	293.930.595.004
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	110.400.929	3.496.554.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.116.959.612	4.686.622.304
140	IV. Hàng tồn kho		5.143.876.819	6.168.054.218
141	1. Hàng tồn kho	8	5.143.876.819	6.168.054.218
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.184.730.637	8.824.869.600
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.482.570.884	2.035.573.039
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.981.971.043	6.789.296.561
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	3.720.188.710	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		457.170.646.812	472.160.115.604
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		867.375.475	1.139.310.450
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	7.268.604.900	7.277.178.500
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	20.939.295.300	20.856.000.000
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(27.340.524.725)	(26.993.868.050)
220	II. Tài sản cố định		453.557.634.462	435.998.447.001
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	441.247.384.462	423.688.197.001
222	Nguyên giá		944.076.068.130	802.031.584.494
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(502.828.683.668)	(378.343.387.493)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	12.310.250.000	12.310.250.000
228	Nguyên giá		13.084.318.000	13.084.318.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	30.960.527.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	30.960.527.273
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.745.636.875	4.061.830.880
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	336.812.165	1.681.988.899
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	2.408.824.710	2.379.841.981
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.045.520.451.171	1.253.424.993.767

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		160.452.647.300	285.089.681.929
310	I. Nợ ngắn hạn		149.069.328.783	271.265.727.368
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	18.695.609.137	58.914.317.145
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.367.367.285	554.489.830
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.695.410.489	39.561.092.430
314	4. Phải trả người lao động		56.909.988.200	86.312.181.698
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	41.046.735.147	69.518.285.662
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.267.348.612	4.391.883.508
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		20.086.869.913	12.013.477.095
330	II. Nợ dài hạn		11.383.318.517	13.823.954.561
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	11.383.318.517	13.823.954.561
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		885.067.803.871	968.335.311.838
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	885.067.803.871	968.335.311.838
411	1. Vốn cổ phần		335.816.910.000	335.816.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		335.816.910.000	335.816.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		23.651.760.000	23.651.760.000
415	4. Cổ phiếu quỹ		(753.400.000)	(753.400.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		260.832.724.372	174.130.009.366
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		203.049.377.780	348.037.974.422
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		114.916.143.955	5.339.881.007
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		88.133.233.825	342.698.093.415
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		55.866.751.719	80.848.378.050
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.045.520.451.171	1.253.424.993.767


Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập


Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B02-DN/HN

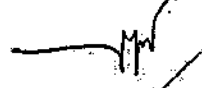
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

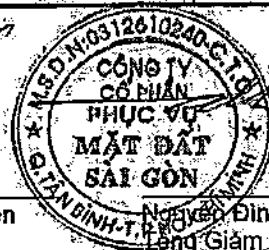
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	730.826.982.071	1.585.150.344.354
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		562.974.851.965	995.214.333.992
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		167.852.130.106	589.936.010.362
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	15.732.761.570	14.538.685.492
22	5. Chi phí tài chính	18	1.119.943.424	1.102.311.873
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	73.237.754.786	129.949.241.501
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		109.227.193.466	473.423.142.480
31	8. Thu nhập khác		252.574.718	480.677.853
32	9. Chi phí khác		162.447.969	106.557.824
40	10. Lợi nhuận khác		90.126.749	374.120.029
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.317.320.215	473.797.262.509
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.2	23.237.044.596	94.552.149.107
52	13. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.3	(28.982.729)	721.423.110
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		86.109.258.348	378.523.690.292
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		88.133.233.825	346.072.686.329
62	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	16.1	(2.023.975.477)	32.451.003.963
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	2.628	9.745
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	2.628	9.745



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Trưởng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.317.320.215	473.797.262.509
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	124.485.296.175	88.502.685.010
03	Các khoản dự phòng		346.656.675	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		165.034.165	133.146.074
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.781.426.858)	(12.105.592.320)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		220.532.880.372	550.327.501.273
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		22.113.769.958	(99.985.002.944)
10	Giảm hàng tồn kho		1.024.177.399	4.110.607.253
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(100.423.448.794)	398.826.487
12	Giảm chi phí trả trước		898.178.889	700.604.054
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(50.631.943.889)	(84.412.478.759)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.758.407.495)	(21.521.339.514)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		75.755.206.440	349.618.717.850
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(111.083.956.363)	(243.179.116.246)
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(213.380.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		140.000.000.000	3.027.077.778
27	Lãi tiền gửi nhận được		16.277.069.541	9.835.235.215
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		45.193.113.178	(443.696.803.253)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	16.1	-	(235.200.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(148.276.767.801)	(78.699.076.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(148.276.767.801)	(78.934.276.000)

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

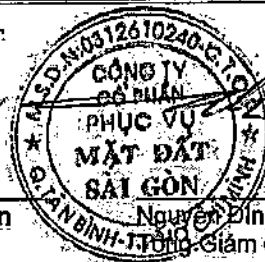
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(27.328.448.183)	(173.012.361.403)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		250.778.183.037	423.800.186.849
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(131.273.368)	(9.642.409)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	223.318.461.486	250.778.183.037



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (lần thứ 7 ngày 24 tháng 6 năm 2020).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), và đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.980 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.424).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một chi nhánh và một công ty con, như sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Công ty con

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNDKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các Giấy CNDKDN điều chỉnh sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con; và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng); phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; và phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý đầu tư và phát triển

Quý này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của người lao động của Nhóm Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm).

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu đạo tạo không chịu thuế.

Tại chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng tại từng Chi nhánh và công ty con.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được nộp tại Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17. Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	86.972.000	7.503.000
Tiền gửi ngân hàng	33.318.461.486	140.770.680.037
Các khoản tương đương tiền (*)	190.000.000.000	110.000.000.000
TỔNG CỘNG	223.318.461.486	250.778.183.037

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 2,9%/năm đến 5,5%/năm (năm 2019: từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư này thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 3,3%/năm đến 6,4%/năm (năm 2019: từ 4,8%/năm đến 6,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	274.475.374.876	293.930.595.004
Bên liên quan (Thuyết minh số 22)	162.581.741.091	101.384.583.190
Bên khác	111.893.633.785	192.546.011.814
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	72.320.531.787	46.886.035.514
Qatar Airways	6.270.750.527	31.894.932.444
Asiana Airlines Inc.	5.810.514.570	9.228.277.251
Emirates Airline	5.663.668.500	2.509.281.558
Northwind Airlines	3.288.950.475	1.706.800.866
Air Hongkong	2.507.719.725	2.424.386.440
Turkish Airlines	1.678.175.100	5.250.973.322
T'way Air, Ltd	581.773.500	5.205.840.960
Jetstar Asia Airways Pte Ltd	330.595.436	5.527.439.797
Malindo Air	269.820.340	1.555.588.196
Air Asia Berhart	108.338.183	20.058.728.719
Thai Air Asia	-	11.550.397.192
Tiger Airway Singapore Pte. Ltd	-	6.294.654.585
DHT Aviation	-	4.563.461.508
Jin Air	-	3.690.703.602
Nok Airlines Public Company Limited	-	2.609.046.030
Jetstar Airways Pty Ltd	-	2.470.425.058
Air Busan	-	2.020.372.099
Thai Vietjet Air Joint Stock Company	-	1.666.921.187
Khác	13.062.795.642	25.431.745.486
Dài hạn	7.268.604.900	7.277.178.500
Công ty Cổ phần Air Mekong	5.508.337.650	5.508.337.650
Cardig Air	1.760.267.250	1.768.840.850
TỔNG CỘNG	281.743.979.776	301.207.773.504
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(6.740.524.725)	(6.393.868.050)
GIÁ TRỊ THUẬN	275.003.455.051	294.813.905.454

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	74.864.129	-
Công ty Cổ phần Avintech	-	3.321.298.000
Công ty TNHH Air GH	-	157.300.000
Khác	35.536.800	17.958.000
TỔNG CỘNG	110.400.929	3.496.554.000

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.116.959.612	4.686.622.304
Ký cược, ký quỹ	3.541.767.500	90.000.000
Lãi dự thu	679.728.712	3.175.371.395
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	239.500.000	308.882.580
Phải thu lại của nhân viên	138.323.846	132.470.213
Khác	517.639.554	979.898.116
Dài hạn	20.939.295.300	20.856.000.000
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	20.600.000.000
Ký cược, ký quỹ	339.295.300	256.000.000
TỔNG CỘNG	22.604.487.412	25.542.622.304
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(20.600.000.000)	(20.600.000.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	5.456.254.912	4.942.622.304

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	4.903.729.547	5.117.322.238
Công cụ, dụng cụ	240.147.272	1.050.731.980
TỔNG CỘNG	5.143.876.819	6.168.054.218

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.482.570.884	2.035.573.039
Phần mềm mail server và license	896.766.538	250.379.730
Phí bảo hiểm phương tiện vận chuyển	541.746.782	376.106.648
Phí bảo hiểm trách nhiệm hãng hàng không	426.428.255	446.254.687
Khác	617.629.309	962.831.974
Dài hạn	336.812.165	1.681.988.899
Chi phí sửa chữa và cải tạo	153.739.127	924.283.574
Chi phí tần số vô tuyến điện	134.602.151	5.790.254
Khác	48.470.887	751.915.071
TỔNG CỘNG	2.819.383.049	3.717.561.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	28.572.342.754	14.596.530.351	731.877.582.684	26.985.128.705	802.031.584.494
Mua mới trong năm	-	-	110.556.206.363	527.750.000	111.083.956.363
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	30.960.527.273	-	30.960.527.273
Số cuối năm	28.572.342.754	14.596.530.351	873.394.316.320	27.512.878.705	944.076.068.130
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(5.167.337.833)	(9.937.380.545)	(349.468.537.989)	(13.770.131.126)	(378.343.387.493)
Khấu hao trong năm	(1.155.459.548)	(1.237.031.391)	(119.096.492.939)	(2.996.312.297)	(124.485.296.175)
Số cuối năm	(6.322.797.381)	(11.174.411.936)	(468.565.030.928)	(16.766.443.423)	(502.828.683.668)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	23.405.004.921	4.659.149.806	382.409.044.695	13.214.997.579	423.688.197.001
Số cuối năm	22.249.545.373	3.422.118.415	404.829.285.392	10.746.435.282	441.247.384.462

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 182.446.487.405 VND.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND			
	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	514.288.000	259.780.000	12.310.250.000	13.084.318.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm và số cuối năm	(514.288.000)	(259.780.000)	-	(774.068.000)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm và số cuối năm	-	-	12.310.250.000	12.310.250.000

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT-17452 tại số 21 đường Lê Chân, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa được cấp bởi Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	13.591.784.044	25.996.243.798
Bên khác	5.103.825.093	32.918.073.347
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè</i>	1.476.883.100	722.668.100
<i>Công ty Cổ phần Avintech</i>	-	6.950.040.000
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Hàng không Việt Nam</i>	-	5.221.800.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng</i>	-	4.291.764.336
<i>Khác</i>	3.626.941.993	13.731.800.911
TỔNG CỘNG	18.695.609.137	58.914.317.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")		1.620.034.830	-	1.620.034.830
Thuế TNDN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	-	803.141.243	-	803.141.243
Thuế TNDN tại SAGS-CXR	-	816.893.587		816.893.587
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	-	2.100.153.880	-	2.100.153.880
Thuế TNCN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	-	1.120.182.316	-	1.120.182.316
Thuế TNCN tại SAGS-CXR	-	979.971.564	-	979.971.564
TỔNG CỘNG	-	3.720.188.710	-	3.720.188.710
Phải nộp				
Thuế TNDN	25.774.864.463	24.857.079.426	(50.631.943.889)	-
Thuế TNDN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	25.078.005.706	24.053.938.183	(49.131.943.889)	-
Thuế TNDN tại SAGS-CXR	696.858.757	803.141.243	(1.500.000.000)	-
Thuế TNCN	13.388.326.342	13.549.264.140	(26.903.542.731)	34.047.751
Thuế TNCN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	11.616.851.764	12.557.538.569	(24.140.342.582)	34.047.751
Thuế TNCN tại SAGS-CXR	1.771.474.578	991.725.571	(2.763.200.149)	-
Thuế GTGT	355.435.485	37.574.027.817	(35.268.100.564)	2.661.362.738
Thuế khác	42.466.140	89.163.021	(131.629.161)	-
TỔNG CỘNG	39.561.092.430	76.069.534.404	(112.935.216.345)	2.695.410.489

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ dự phòng tiền lương	37.930.236.787	62.200.760.757
Chi phí hội nghị	1.300.000.000	2.000.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	939.068.182	360.000.000
Bồi dưỡng độc hại	670.820.000	996.163.637
Chi phí thuê quầy, băng chuyền tại SAGS-GXR	-	2.342.633.996
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	-	1.000.000.000
Khác	206.610.178	618.727.272
TỔNG CỘNG	41.046.735.147	69.518.285.662

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.267.348.612	4.391.883.508
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	867.293.614	1.053.586.715
Cổ tức	148.348.200	-
Khác	5.251.706.798	3.338.296.793
Dài hạn	11.383.318.517	13.823.954.561
Nhận ký cược, ký quỹ của các hãng hàng không	11.383.318.517	13.823.954.561
TỔNG CỘNG	17.650.667.129	18.215.838.069

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỮ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quy đầu tư và phát triển (*)	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	239.959.520.000	6.603.660.000	(518.200.000)	134.094.865.554	9.486.000.000	64.096.324.962	242.495.904.887	696.218.395.403
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	32.451.003.983	346.072.686.329	378.523.690.292
Tra cổ tức 2018 bằng cổ phiếu	95.657.390.000	-	(235.200.000)	-	-	-	(95.857.390.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ đã phát hành	-	-	-	-	-	-	(14.165.760.000)	(235.200.000)
Tặng khác	-	-	-	-	14.165.760.000	-	-	-
Trích quỹ theo NQĐHBCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 của SAGS	-	-	-	27.899.219.593	-	-	(27.899.219.593)	-
Trích quỹ theo NQĐHBCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của SAGS-CXR	-	-	-	12.145.924.219	-	(5.951.502.868)	(6.194.421.351)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHBCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(7.852.824.597)	(7.852.824.597)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHBCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của SAGS - CXR	-	-	-	-	-	(1.338.256.789)	(1.392.878.476)	(2.731.134.265)
Cổ tức còn lại năm 2018 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	(6.805.120.000)	-	(6.805.120.000)
Cổ tức còn lại năm 2018	-	-	-	-	-	-	(71.893.956.000)	(71.893.956.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2018 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(2.976.728.915)	(2.976.728.915)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành sáu tháng đầu năm 2019 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(3.114.023.585)	(3.114.023.585)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2018 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	-	(891.800.000)	(928.200.000)
Tám trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(7.523.869.725)	(7.523.869.725)
Tám trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	-	(741.344.552)	(1.453.616.770)
Số cuối năm	335.616.910.000	6.603.660.000	(753.400.000)	174.130.009.366	23.651.760.000	80.848.376.050	348.037.974.422	968.335.311.838

(*) Trong đó bao gồm phần Quỹ đầu tư phát triển của Cổ đông không kiểm soát với giá trị là 11.446.826.330 VND.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển (*)	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay								
Số đầu năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	174.130.009.366	23.651.760.000	80.848.378.050	348.037.974.422	968.335.311.838
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	(2.023.975.477)	88.133.233.825	86.109.258.348
Cổ tức năm 2019 của SAGS (**)	-	-	-	-	-	-	(134.134.364.000)	(134.134.364.000)
Cổ tức năm 2019 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	(14.290.752.001)	-	(14.290.752.001)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020 của SAGS	-	-	-	73.457.407.266	-	-	(73.457.407.266)	-
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 của SAGS-CXR	-	-	-	13.245.307.740	-	(6.490.200.793)	(6.755.106.947)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(11.638.932.170)	(11.638.932.170)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	(1.559.298.060)	(1.622.942.880)	(3.182.240.940)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2019 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(4.870.477.204)	(4.870.477.204)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2019 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	(617.400.000)	(642.600.000)	(1.260.000.000)
Số cuối năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	260.832.724.372	23.651.760.000	55.866.751.719	203.049.377.780	885.067.803.871

(*) Trong đó bao gồm phần Quỹ đầu tư phát triển của Cổ đông không kiểm soát với giá trị là 17,937,027,122 VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền tại mức 40% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (4.000 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,03%	161.280.510.000	48,03%	161.280.510.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	16,88%	56.671.780.000	14,97%	50.272.300.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	9,11%	30.608.220.000	9,11%	30.608.220.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng Khác	7,61%	25.572.450.000	7,61%	25.572.450.000
Khác	18,23%	61.202.950.000	20,14%	67.602.430.000
Cổ phiếu quỹ	0,14%	481.000.000	0,14%	481.000.000
TỔNG CỘNG		335.816.910.000		335.816.910.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	335.816.910.000	239.959.520.000
Tăng trong năm	-	95.857.390.000
Số cuối năm	<u>335.816.910.000</u>	<u>335.816.910.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền cho cổ đông của Công ty mẹ	133.986.015.800	71.893.956.000
Cổ tức đã trả bằng tiền cho cổ đông không kiểm soát	14.290.752.001	6.805.120.000

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4. Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	33.581.691	33.581.691
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(48.100)	(48.100)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	33.533.591	33.533.591

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16.5. Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	88.133.233.825	346.072.686.329
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)(*)		(19.162.801.895)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	88.133.233.825	326.909.884.434
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	33.550.391	33.545.687
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	2.628	9.745
Lãi suy giảm	2.628	9.745

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại số với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 4 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ hàng không	715.432.296.579	1.547.543.683.325
<i>Phục vụ mặt đất</i>	<i>689.258.662.039</i>	<i>1.497.537.972.047</i>
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	<i>22.376.325.554</i>	<i>40.246.603.506</i>
<i>Dịch vụ xe chờ khách</i>	<i>3.777.129.810</i>	<i>9.348.608.097</i>
<i>Dịch vụ quầy thủ tục</i>	<i>20.159.176</i>	<i>410.499.675</i>
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	15.394.685.492	37.606.661.029
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	<i>6.378.835.479</i>	<i>8.814.504.577</i>
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	<i>4.140.109.184</i>	<i>8.093.575.108</i>
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	<i>2.260.018.100</i>	<i>2.945.244.380</i>
<i>Dịch vụ VIP</i>	<i>147.173.319</i>	<i>8.077.336.334</i>
<i>Dịch vụ giặt ủi</i>	<i>-</i>	<i>2.592.990.526</i>
<i>Khác</i>	<i>2.468.549.410</i>	<i>7.083.010.104</i>
TỔNG CỘNG	<u>730.826.982.071</u>	<u>1.585.150.344.354</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	<i>469.493.160.942</i>	<i>1.069.555.165.418</i>
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	<i>261.333.821.129</i>	<i>515.595.178.936</i>

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	13.781.426.858	12.105.592.320
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	1.950.791.012	2.429.011.072
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	543.700	4.082.100
TỔNG CỘNG	<u>15.732.761.570</u>	<u>14.538.685.492</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	954.365.559	965.083.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	165.577.865	137.228.174
TỔNG CỘNG	<u>1.119.943.424</u>	<u>1.102.311.873</u>

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	38.904.513.143	61.262.090.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.107.290.194	38.417.987.848
Chi phí nhượng quyền khai thác	10.745.553.990	23.210.748.658
Chi phí khấu hao	3.061.162.201	1.802.200.357
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.381.419.164	1.974.983.801
Chi phí bằng tiền khác	1.037.816.094	3.281.230.416
TỔNG CỘNG	73.237.754.786	129.949.241.501

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	327.240.681.369	598.904.020.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.504.891.280	368.160.598.261
Chi phí khấu hao	124.485.296.175	88.502.685.010
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	19.912.744.843	43.095.477.898
Chi phí nhượng quyền khai thác	10.745.553.990	23.210.748.658
Chi phí bằng tiền khác	1.323.439.094	3.290.045.417
TỔNG CỘNG	636.212.606.751	1.125.163.575.493

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (2019: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.237.044.596	94.552.149.107
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(28.982.729)	721.423.110
TỔNG CỘNG	23.208.061.867	95.273.572.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>109.317.320.215</u>	<u>473.797.262.509</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.863.464.043	94.759.452.502
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	281.831.126	485.425.530
Liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	35.392.706	28.694.185
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận ở SAGS-CXR	<u>1.027.373.992</u>	-
Chi phí thuế TNDN	<u>23.208.061.867</u>	<u>95.273.572.217</u>

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>109.317.320.215</u>	<u>473.797.262.509</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.863.464.043	94.759.452.502
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	281.831.126	485.425.530
Liên quan đến chi phí quảng cáo, tiếp thị	(200.000.000)	200.000.000
Liên quan đến chi phí dự phòng cho khoản phải thu Cardig Air	69.331.335	177.106.080
Liên quan đến chi phí Sita	(83.200.000)	93.200.000
Liên quan đến chi phí hội nghị	(140.000.000)	93.889.214
Liên quan đến chi phí trích trước phải trả nhà ga quốc tế CRTG	(467.532.036)	(1.513.049.014)
Liên quan đến chi phí bồi dưỡng độc hại	(65.068.728)	40.731.728
Liên quan đến chi phí trích trước khác	(74.947.842)	186.698.882
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận ở SAGS-CXR	<u>1.027.373.992</u>	-
Liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	35.392.706	28.694.185
Liên quan đến chi phí khác	990.400.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>23.237.044.596</u>	<u>94.552.149.107</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
	<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</u>			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Trích trước chi phí Sifa	10.000.000	93.200.000	(83.200.000)	93.200.000
Trích trước chi phí hội nghị	260.000.000	400.000.000	(140.000.000)	93.889.214
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	-	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000
Dự phòng cho khoản phải thu Cardig Air	246.437.415	177.106.080	69.331.335	177.106.080
Chi phí bồi dưỡng độc hại	134.164.000	199.232.728	(65.068.728)	40.731.728
Chi phí trích trước phải trả nhà ga quốc tế CRTC	-	467.532.036	(467.532.036)	(1.513.049.014)
Chi phí trích trước khác	182.550.033	257.497.875	(74.947.842)	186.698.882
Dự phòng cho Transero Airline	585.273.262	585.273.262	-	-
Khác	990.400.000	-	990.400.000	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.408.824.710	2.379.841.981		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			28.982.729	(721.423.110)

21.4 Lộ thuế chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ thuế với số tiền là 5.136.869.959 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
2020	2025	5.136.869.959	-	- 5.136.869.959

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	2.581.126.371	1.756.342.485
- Ông Đặng Tuấn Tú (*)	1.100.000.000	-
- Ông Nguyễn Nam Tiến (**)	49.000.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Anh (**)	49.000.000	-
- Ông Lưu Đức Khánh	49.000.000	-
- Bà Nguyễn Ngọc Anh	285.733.805	-
- Ông Nguyễn Đình Hùng (**)	338.191.150	-
- Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên (**)	236.733.805	-
- Bà Lê Thị Diệu Thúy (**)	236.733.805	-
- Ông Lưu Quang Lâm	236.733.805	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát	993.010.265	1.167.081.958
- Bà Trần Quang Tâm Thảo (*)	801.733.805	-
- Bà Trần Dương Ngọc Thảo	163.276.460	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	28.000.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	10.901.982.344	16.644.095.251
- Ông Nguyễn Đình Hùng	2.936.382.599	-
- Ông Nguyễn Văn Mỹ	2.137.432.273	-
- Ông Hứa Kiến Trung	2.047.144.957	-
- Bà Lê Thị Hoàng Oanh	2.045.504.957	-
- Ông Phùng Danh Nguyễn	1.735.517.558	-
TỔNG CỘNG	23.035.993.694	19.567.519.694

(*) Thành viên chuyên trách.

(**) Thu nhập được chuyển về chủ sở hữu; việc phân phối sẽ do chủ sở hữu thực hiện.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (“ACV”)	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (“ACV”)		Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ Chia cổ tức	7.545.252.861 6.638.353.579 64.513.276.500	18.636.918.961 8.005.498.957 34.560.111.000
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	58.195.380.729	140.884.339.559
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ	10.997.960.075 -	22.091.642.217 536.503
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	222.044.675.850	382.915.037.900
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (“ACV”)	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (“ACV”)		Sử dụng dịch vụ	4.777.560.826	16.474.646.597
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	9.368.301.744	13.793.354.929
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	32.650.852.700	115.458.336.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	2.329.114.601	-
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	140.792.476.990	72.250.998.490
			<u>143.121.591.591</u>	<u>72.250.998.490</u>
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh</i>				
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	19.460.149.500	29.133.584.700
			<u>162.581.741.091</u>	<u>101.384.583.190</u>
TỔNG CỘNG				

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)		Sử dụng dịch vụ	-	838.644.254
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	7.639.119.619	22.710.418.744
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	2.148.990.824	429.966.892
			<u>9.788.110.443</u>	<u>23.979.029.890</u>
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)		Sử dụng dịch vụ	1.326.421.060	1.199.761.412
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	2.477.252.541	817.452.496
			<u>3.803.673.601</u>	<u>2.017.213.908</u>
TỔNG CỘNG			<u>13.591.784.044</u>	<u>25.996.243.798</u>

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:				
Doanh thu	925.648.093.895	374.151.396.636	285.350.853.823	1.585.150.344.354
Chi phí	(686.241.536.923)	(244.285.287.025)	(194.636.751.545)	(1.125.163.575.493)
Lợi nhuận bộ phận	239.406.556.972	129.866.109.611	90.714.102.278	459.986.768.861
Doanh thu hoạt động tài chính	11.752.134.638	322.687.783	2.463.863.071	14.538.685.492
Chi phí tài chính	(733.132.789)	(236.016.904)	(133.162.180)	(1.102.311.873)
Thu nhập khác	247.266.913	242.776	233.168.164	480.677.853
Chi phí khác	(56.754.359)	(711)	(49.802.744)	(106.557.824)
Tổng lợi nhuận trước thuế	250.616.071.365	129.953.022.555	93.228.168.589	473.797.262.509
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(53.083.093.916)	(26.146.287.793)	(15.322.767.398)	(94.552.149.107)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	678.916.203	49.336.401	(1.449.675.714)	(721.423.110)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	198.211.893.652	103.856.071.163	76.455.725.477	378.523.690.292
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:				
Tài sản bộ phận	952.663.584.761	71.781.311.554	228.980.097.452	1.253.424.993.767
Nợ phải trả bộ phận	201.751.249.134	43.614.724.010	39.723.708.785	285.089.681.929

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Văn phòng Hồ Chí Minh	CTCP Phục vụ Mặt đất CN Đà Nẵng	Sài Gòn – Cam Ranh	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:				
Doanh thu	530.201.856.989	118.497.732.638	82.127.392.444	730.826.982.071
Chi phí	(431.387.601.303)	(118.002.423.681)	(86.822.581.767)	(636.212.606.751)
Lợi nhuận bộ phận	98.814.255.686	495.308.957	(4.695.189.323)	94.614.375.320
Doanh thu hoạt động tài chính	13.907.344.648	289.217.193	1.536.199.729	15.732.761.570
Chi phí tài chính	(740.803.518)	(195.650.853)	(183.489.053)	(1.119.943.424)
Thu nhập khác	47.785.542	1.374.392	203.414.784	252.574.718
Chi phí khác	(151.154.305)	(9.863.664)	(1.429.999)	(162.447.968)
Tổng lợi nhuận trước thuế	111.877.428.053	580.386.025	(3.140.493.862)	109.317.320.216
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(23.124.638.685)	(112.405.911)	-	(23.237.044.596)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	456.549.517	(2.221.455)	(425.345.333)	28.982.729
Lợi nhuận sau thuế TNDN	89.209.338.885	465.758.659	(3.565.839.195)	86.109.258.349
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:				
Tài sản bộ phận	842.013.138.973	35.883.767.966	167.623.544.232	1.045.520.451.171
Nợ phải trả bộ phận	123.558.012.329	19.462.789.160	17.431.845.811	160.452.647.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS, Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS và Hợp đồng số 23/HĐ/ACV-SAGS-CXR và các phụ lục đính kèm hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>31.317.688.623</u>	<u>33.850.546.995</u>

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

25.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	<u>21.543.496.158</u>	<u>936.877,42</u>	<u>75.938.333.557</u>	<u>3.286.377,88</u>

25.2 Nợ khó đòi đã xử lý


Đối tượng	Giá trị	VND
		Nguyên nhân xóa nợ
Transaero Airline	<u>2.926.366.316</u>	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi

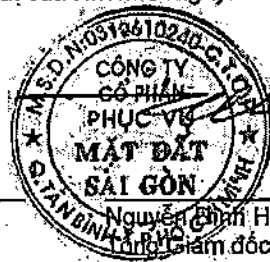
26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập


Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng


Nguyễn Phan Hùng
Trưởng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2021